

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm: **Chỉ tiết máy(207100) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01**

Số Tín Cb 3

Ngày Thi **19/01/2016**

Phòng Thi **PV400A**

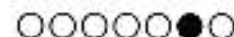
Lớp **DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 15 %	D2 25 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115491	Trần Thụy Thúy An	DH13CB			1,4	1,4	4,2	7	001234567890	0123456789
2	13115148	Nguyễn Đức Anh	DH13CB							001234567890	0123456789
3	13153046	Huỳnh Công Chính	DH13CD			1,5	0,9	5	7,4	001234567890	0123456789
4	13118088	Lê Đức Công	DH13CK							001234567890	0123456789
5	13115011	Lê Thị Danh	DH13CB			1,5	1,6	3	6,1	001234567890	0123456789
6	13115025	Trần Quang Định	DH13CB			1,4	1,1	1,5	4	001234567890	0123456789
7	11169019	Ngô Duy Đông	DH11GN			1	1	7,3	5,3	001234567890	0123456789
8	13118133	Nguyễn Hoàng Hào	DH13CK			1,4	0	0,6	2,0	001234567890	0123456789
9	13115032	Tiêu Thị Hậu	DH13CB			1,2	1,9	2,6	5,5	001234567890	0123456789
10	13334070	Thái Minh Hiệp	CD13CI			0	1,2	6	7,2	001234567890	0123456789
11	12154082	Nguyễn Thanh Hòa	DH12OT			0	0,6	1,8	2,4	001234567890	0123456789
12	13115217	Nguyễn Minh Hoàng	DH13CB							001234567890	0123456789
13	13115235	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13CB			1,3	0	0	1,3	001234567890	0123456789
14	13137069	Nguyễn Mạnh Hùng	DH13NL			1,5	2,5	6	10	001234567890	0123456789
15	13115046	Vũ Văn Huy	DH13CB			0	1,1	0,9	2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04068



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Chỉ tiết máy(207100) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV400A

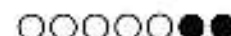
Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138098	Vũ Văn Khương	DH13TD							001234567890	0123456789
17	13153136	Nguyễn Nhật King	DH13CD			0	0,6	3,9	4,5	001234567890	0123456789
18	13115063	Nguyễn Bảo Lộc	DH13CB			1,2	1,4	6	8,6	001234567890	0123456789
19	12154166	Đình Văn Lợi	DH12OT			0	0,8	3,2	4	001234567890	0123456789
20	11154060	Đoàn Thế Luân	DH11OT			0,9	1,1	3,3	5,3	001234567890	0123456789
21	13138116	Vô Tấn Lý	DH13TD			0	0,9	1,5	2,4	001234567890	0123456789
22	13118214	Trần Hoài Nam	DH13CK							001234567890	0123456789
23	13153152	Động Hoàng Nam	DH13CD			0	0,6	0,9	1,5	001234567890	0123456789
24	12115089	Lê Thị Nguyệt	DH12GN			1,5	2,6	6	9,9	001234567890	0123456789
25	13115083	Võ Thị Lê Phúc	DH13CB			1,5	2,5	6	10	001234567890	0123456789
26	13115085	Lê Tấn Phước	DH13CB			1,1	1,9	5,3	8,3	001234567890	0123456789
27	13115336	Trịnh Ngọc Phương	DH13CB							001234567890	0123456789
28	13138016	Ngô Tấn Sang	DH13TD			1,1	1,3	4,3	6,7	001234567890	0123456789
29	12154172	Trần Văn Sĩ	DH12OT			0	1,1	5,3	6,6	001234567890	0123456789
30	13115387	Trần Xuân Thắng	DH13GN			1,1	0,8	3,3	5,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04068



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ I - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chiết máy(207100) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV400A

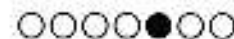
Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13334181	Trần Văn Thành	CD13CI			0	0,4	2,4	2,8	001034567890	0123456789
32	12115304	Võ Thanh Thiện	DH12GN			1,5	2,1	5,3	8,9	001234567890	0123456789
33	13154054	Lê Minh Thiện	DH13OT			0	0,5	2,7	3,2	001234567890	0123456789
34	13115391	Võ Tấn Thiệu	DH13GN			1,2	1,3	6	8,5	001234567890	0123456789
35	13115399	Trần Thị Thanh Thu	DH13GB			1,1	1,3	3,9	6,3	001234567890	0123456789
36	13115113	Nguyễn Thị Thu Thủy	DH13GN			1,5	1	5,4	7,9	001234567890	0123456789
37	13115407	Nguyễn Thị Như Thủy	DH13CB							001234567890	0123456789
38	13115448	Nguyễn Thị Thanh Trúc	DH13CB			1,2	0,8	2,9	4,9	001234567890	0123456789
39	13334226	Động Trung	CD13CI			0	0,4	2,4	2,8	001034567890	0123456789
40	12154043	Dương Nhật Trùng	DH12OT			0	0,5	0,9	1,4	001234567890	0123456789
41	13115460	Lê Tiến Tùng	DH13CB			0	0,6	1,8	2,4	001034567890	0123456789
42	13154204	Trần Phước Tường	DH13OT			0	0,5	3,9	4,4	001234567890	0123456789
43	13115133	Nguyễn Thị Anh Tuyết	DH13GN			1,5	2	4,5	8	001234567890	0123456789
44	13115474	Nguyễn Thanh Vinh	DH13CB			1,4	1	5,4	7,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04068



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV400A

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
45	13115485	Lê Nguyễn Hoàng Yên	DH13CB			1,5	1,5	2,6	5,6	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Phạm Quang Thắng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Thanh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD 03 - 001 DH13CD 03

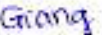
Số Típ Ch. 3

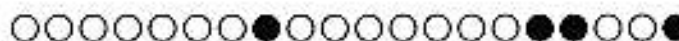
Ngay Thi 19/01/2016

Phòng Thi CT101

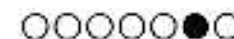
Lớp **DH13GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ %	D2 Đ %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13115149	Phạm Tuấn Anh	DH13GN			6	6	2,3	3,0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
2	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD			8,9	5	5,3	6,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
3	12115227	Nguyễn Việt Đạt	DH12GN			0	0	1	0,5	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
4	13137047	Nguyễn Thành Đạt	DH13NL			5,3	0	1,3	2,2	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	13153073	Nguyễn Văn Đầu	DH13CD			7,3	0	3	3,7	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	13153005	Đặng Hữu Đệ	DH13CD			7,9	10	5	6,9	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
7	13153006	Nguyễn Tam Đức	DH13CD			7,1	8,4	5,3	6,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13115176	Nguyễn Ngọc Dung	DH13GN			5,3	9,6	4,5	5,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
9	13118105	Trần Tùng Dương	DH13CK			4	7,2	3,5	4,4	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13115029	Huỳnh Giang	DH13GN			10	10	7,5	8,8	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
11	13118132	Nguyễn Văn Hải	DH13CK			6,2	8,4	4	5,5	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	13153092	Lê Quang Hân	DH13CD			1				○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118019	Vũ Xuân Hoàng	DH13CC			4	10	3,5	5,0	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13153108	Bản Thế Hồng	DH13CD			3,2	6,8	2	3,3	○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	11153017	Nguyễn Văn Hùng	DH11CD							○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 04121



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03

Số Tin Ch 3

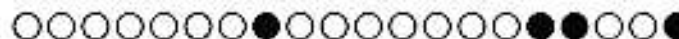
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi CT101

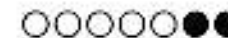
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 50%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153119	Nguyễn Văn Hưng	DH13CD			7,7	7,8	4,5	6,1	001234567890	0123456789
17	13153120	Trương Ngọc Hưng	DH13CD			6,8	5	10	8,0	001234567890	0123456789
18	13153111	Đỗ Ngọc Quốc Huy	DH13CD			7,7	10	6	7,3	001234567890	0123456789
19	13153130	Trần Văn Khoa	DH13CD							001234567890	0123456789
20	13153142	Nguyễn Văn Lâm	DH13CD			6	7,2	4,3	5,4	001234567890	0123456789
21	13153146	Trần Tấn Lợi	DH13CD			4,1	9,6	4,5	5,4	001234567890	0123456789
22	13334114	Nguyễn Thành Luân	CD13CI							001234567890	0123456789
23	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK			5,8	6,4	4,3	3,7	001234567890	0123456789
24	12154138	Mai Thành Nhân	DH12OT			7,6	8,4	5,5	6,7	001234567890	0123456789
25	13115079	Điền Hồng Nhi	DH13GN			9,8	10	9,8	9,8	001234567890	0123456789
26	12344100	Phạm Quỳnh Ninh	CD12CI							001234567890	0123456789
27	13115081	Nguyễn Thị Phi	DH13GN			9,6	10	4,8	7,3	001234567890	0123456789
28	13154044	Nguyễn Thành Phúc	DH13OT			9,5	10	5	7,4	001234567890	0123456789
29	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			5	10	2	4,5	001234567890	0123456789
30	13118242	Nguyễn Ngọc Thiên Quang	DH13CK			5,7	0	3	3,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04121



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chi tiết máy(207100) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03**

Số Tin Ch 3

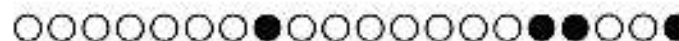
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi CT101

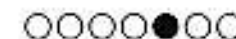
Lớp **DH12CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	12153130	Đỗ Văn Sang	DH12CD			8,7	9	1	2,2	0012345678910	0123456789
32	13118047	Phạm Minh Tài	DH13CK			9	9	1	0,5	012345678910	0123456789
33	14115230	Đặng Hữu Tài	DH14CB			8,1	9,5	6,8	7,7	0012345678910	0123456789
34	13115112	Ninh Thị Hồng	DH13GN			10	10	8,8	9,4	0012345678910	0123456789
35	13153025	Đặng Văn Thuyết	DH13CD			6,6	10	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
36	13153229	Lê Quyết Tiến	DH13CD			7,7	9,6	3	5,7	0012345678910	0123456789
37	13115123	Trần Thị Thanh	DH13CB			8,5	10	6	7,6	0012345678910	0123456789
38	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			4,4	8,6	3,6	4,8	0012345678910	0123456789
39	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI			4,5	8,4	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
40	13115445	Lê Thị Trọng	DH13GN			6,3	9,2	2,8	9,1	0012345678910	0123456789
41	13115451	Lê Văn Tuấn	DH13CB			9,4	10	9	9,3	0012345678910	0123456789
42	13115455	Vương Văn Tuấn	DH13GN			7,2	9	3	3,7	0012345678910	0123456789
43	13153256	Lê Xuân Tuấn	DH13CD			8,5	9,5	4	6,5	0012345678910	0123456789
44	13153261	Trương Văn Tuy	DH13CD			9	8,4	3,5	6,1	0012345678910	0123456789
45	13138254	Phạm Văn Việt	DH13TD			8,8	10	7	8,1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04121



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13CD_03 - 001_DH13CD_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi CT101

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 20%	D2 40%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	13153027	Đào Hoàng Vinh	DH13CD			9	10	2,3	17,9	○①①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧●
47	13118366	Lê Tấn Vũ	DH13CK							○①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	13153272	Đinh Quốc Vũ	DH13CD			7,7	10	7,5	7,1	○①①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

SL: 42/48

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Nguyễn Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Quang Thắng

CBCT 1

Cao Đức Lữ

CBCT 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 001_DH13CD_04

Số Tín Ch 3

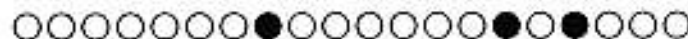
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV315

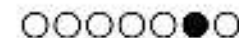
Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115157	Nguyễn Công	Biết	DH13CB	<i>Not</i>	7,8	10	3,5	6,1	○○○12345●789○	○●23456789
2	12153053	Dương Ngọc	Đa	DH12CD	<i>Ng</i>	6,5	10	5	6,5	○○○12345●789○	○1234●6789
3	13118109	Phạm	Đại	DH13CC	<i>Ph</i>	5,3	10	4,5	5,8	○○○1234●6789○	○1234567●9
4	12153187	Hồ Hữu	Đạt	DH12CD						○○○123456789○	○123456789
5	13153061	Trần Đại	Dương	DH13CD	<i>Tran</i>	6,8	7,2	4,5	5,7	○○○1234●6789○	○123456●89
6	13153086	Dương Minh	Hào	DH13CD						○○○123456789○	○123456789
7	13137054	Ngô Hữu	Hậu	DH13NL	<i>Ng</i>	5,8	0	1,5	2,5	○○○1●3456789○	○1234●6789
8	13153103	Nguyễn Đông	Hoài	DH13CD	<i>Ng</i>	5,1	8,4	2	4,2	○○○123●56789○	○1●3456789
9	12115020	Lưu Mộng	Huyền	DH12GN	<i>Lu</i>	7,9	9,6	4	6,3	○○○12345●789○	○12●456789
10	13115256	Triệu Thị	Liên	DH13GB	<i>Tr</i>	10	10	8,5	9,3	○○○12345678●9	○12●456789
11	12344078	Trần Đức	Lương	CD12CI						○○○123456789○	○123456789
12	13153011	Chu Văn	Lương	DH13CD	<i>Chu</i>	7	10	4,5	6,4	○○○12345●789○	○123●56789
13	13115271	Đặng Hoàng	Luông	DH13CB	<i>Ng</i>	5,8	8	2	4,3	○○○123●56789○	○12●456789
14	12153006	Trương Hoài	Nam	DH12CD	<i>Ng</i>	7	6	1,8	4,2	○○○123●56789○	○1●3456789
15	13153161	Cao Đình	Nguyễn	DH13CD	<i>Ng</i>	3,8	8,8	4,5	3,7	○○○12●456789○	○123456●89



Mã nhận dạng 04136



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 001_DH13CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV315

Lớp DH12NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12137034	Võ Thanh	Nhanh	DH12NL						001234567890	0123456789
17	13153168	Nguyễn Hoàng Minh	Nhật	DH13CD		6,3	9,6	2	4,8	001234567890	0123456789
18	13153172	Nguyễn Tiến	Phong	DH13CD		4,9	6,8	2,3	4,0	001234567890	0123456789
19	13154157	Lê Hồng	Phong	DH13OT		5,8	9,6	5	6,2	001234567890	0123456789
20	13115329	Ngô Thị Minh	Phúc	DH13CB		6,3	10	4,3	6,0	001234567890	0123456789
21	13153018	Diệp Chí	Quản	DH13CD		5,2	2	4,5	4,3	001234567890	0123456789
22	13153020	Hồ Hoàng	Tâm	DH13CD		6	10	5,3	6,5	001234567890	0123456789
23	13153213	Nguyễn Hồng	Thắng	DH13CD		10	10	9,8	9,9	001234567890	0123456789
24	12344148	Trần Minh	Tú	CD12CI		5	10	3	5,0	001234567890	0123456789
25	13334236	Phạm Minh	Tú	CD13CI						001234567890	0123456789
26	12344052	Phạm Chi	Tuấn	CD12CI		3,5	8,4	4	4,7	001234567890	0123456789
27	13153026	Phạm Lâm Anh	Tuấn	DH13CD		9,4	7,2	3,5	6,0	001234567890	0123456789
28	13153259	Trần Thanh	Tuấn	DH13CD		7,9	10	4,5	6,6	001234567890	0123456789
29	13118354	Lê Lương Tuấn	Vũ	DH13CC		6,9	2	2	3,1	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04136



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 001_DH13CD_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi PV315

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
30	13153031	Trần Thế Vương	DH13CD			68	84	6,5	7,0	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 2

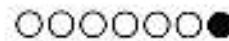
Phạm Quang Thắng

CBCT1:

Nguyễn Văn Tuấn Anh

CBCT2:

Nguyễn Hải Đăng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chỉ Đốt máy(207100) - DH13CD_04 - 002_DH13CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334001	Võ Ngọc An	CD13CI	<i>An</i>		9	9	2,8	11,4	0000234567890	0123456789
2	13153038	Thái Quang Bảo	DH13CD	<i>Bao</i>		8,5	10	10	9,6	00012344567890	0123456789
3	13153078	Trương Công Định	DH13CD	<i>Don</i>		5,8	8,8	5	6,0	0001234567890	0123456789
4	12115315	Lê Thị Dung	DH12GN	<i>Dung</i>		4,9	8,8	4,8	5,6	0001234567890	0123456789
5	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK	<i>Duy</i>		8	10	7,8	8,3	0001234567890	0123456789
6	12154085	Lê Đình Trường	DH12OT	<i>Truong</i>		6	10	11	5,8	0001234567890	0123456789
7	13138263	Hạp Tiến Hoàng	DH13TD	<i>Hoang</i>		4,5	7,6	3	4,6	0001234567890	0123456789
8	13153104	Hà Lý Gia Hoàng	DH13CD	<i>Ha</i>		5,7	10	2	4,7	0001234567890	0123456789
9	13153129	Nguyễn Đình Đăng Khoa	DH13CD							0001234567890	0123456789
10	13153010	Nguyễn Anh Khôi	DH13CD	<i>Khoi</i>		5,1	10	4,5	5,8	0001234567890	0123456789
11	13115268	Trần Bá Lộc	DH13GN	<i>Loc</i>		8	10	9	8,9	0001234567890	0123456789
12	13115064	Lê Đức Lợi	DH13GN	<i>Loi</i>		7,9	10	4,5	5,1	0001234567890	0123456789
13	13153147	Võ Thành Luân	DH13CD	<i>Luon</i>		7,8	10	7	7,8	0001234567890	0123456789
14	13153150	Nguyễn Tiến Mạnh	DH13CD	<i>Mang</i>		7,6	7,6	2	4,8	0001234567890	0123456789
15	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD	<i>Ngoc</i>		7,3	5,2	4,5	4,0	0001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04137



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 002_DH13CD_04

Số Tín Ch 3

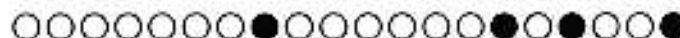
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD104

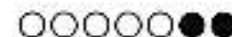
Lớp DH13GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115300	Lê Trung Nguyễn	DH13GN			51,5	6,0	3,3	4,0	0012345678910	0123456789
17	12153114	Nguyễn Hoài Nhân	DH12CD			6,3	10	3	5,4	0012345678910	0123456789
18	13153166	Phan Thành Nhân	DH13CD			7,2	10	2,3	5,3	0012345678910	0123456789
19	13137102	Trần Minh Nhựt	DH13NL			4,8	8,6	1,5	3,9	0012345678910	0123456789
20	13137111	Nguyễn Quốc Phúc	DH13NL			4,4	9,2	4	5,2	0012345678910	0123456789
21	13115338	Lê Hồng Phước	DH13GN			4	10	4,5	5,5	0012345678910	0123456789
22	13153017	Hồ Văn Quang	DH13CD			3,5	10	4,5	5,3	0012345678910	0123456789
23	13154048	Phạm Hữu Quý	DH13OT			8,3	8,8	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
24	13153196	Thân Văn Quyết	DH13CD			6,5	10	4	6,0	0012345678910	0123456789
25	13115359	Nguyễn Ngọc Sang	DH13CB	?						0012345678910	0123456789
26	13118045	Nguyễn Văn Sang	DH13CK			6,9	10	3	5,6	0012345678910	0123456789
27	13153019	Phan Văn Sinh	DH13CD			9,8	10	5,3	7,6	0012345678910	0123456789
28	13115361	Nguyễn Ngọc Sơn	DH13CB			5,3	8,8	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
29	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL			5,6	8,6	3,0	4,8	0012345678910	0123456789
30	13153021	Cao Thanh Tân	DH13CD			5,6	8,6	6	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04137



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 002_DH13CD_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153211	Huỳnh Võ Minh	Thắng	DH13CD		3,5	10	4,5	5,3	001234567890	0123456789
32	13115111	Nguyễn Đức	Thịnh	DH13GN		6	9,8	5,5	5,5	001234567890	0123456789
33	13118298	Nguyễn Văn	Tiến	DH13CC		7	8,8	6	6,9	001234567890	0123456789
34	13334212	Lâm Quốc	Tiến	CD13CI		3	10	4,5	3,7	001234567890	0123456789
35	13334214	Trần Quốc	Tin	CD13CI		5	10	2	4,5	001234567890	0123456789
36	13153240	Nguyễn Công	Triển	DH13CD		6	10	4	5,8	001234567890	0123456789
37	12153194	Đặng Minh	Trọng	DH12CB						001234567890	0123456789
38	13153247	Dinh Mạnh	Trường	DH13CD		7,3	9,8	7	7,7	001234567890	0123456789
39	13115134	Võ Đình	Tú	DH13GN		6,6	9,6	7,5	7,7	001234567890	0123456789
40	13115457	Nguyễn Thị	Tuyết	DH13CB		8	10	4,5	5,2	001234567890	0123456789
41	12138007	Võ Quốc	Vinh	DH12TD		4,7	9,2	4,0	5,3	001234567890	0123456789
42	13154068	Phạm Hiền	Vinh	DH13OT		4,5	10	8	7,4	001234567890	0123456789
43	13334244	Lê Quang	Vinh	CD13CI		2,8	9,6	4,3	5,4	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04137



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13CD_04 - 002_DH13CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD104

Lớp DH13GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tò điểm nguyên	Tò điểm lẻ
44	13115480	Trần Phan Thanh Vũ	DH13GN			8,5	7,2	1,8	4,9	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 2

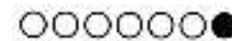
Phạm Quang Thắng

Cán bộ coi thi

Vũ Bá Xích

Cán bộ coi thi

Trần Thị Kim Nga



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chi tiết máy(207100) - DH13OT_06 - 001_DH13OT_06**

Số Tin Ch 3

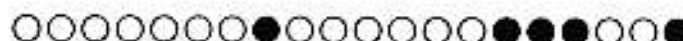
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp **DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 30%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT	<i>Châu</i>		6,3	9	3,4	3,6	0012345678910	0123456789
2	13115010	Trần Nguyễn Phú Cường	DH13CB							0012345678910	0123456789
2	09153003	Đào Khảo Diễm	DH09CD17							0012345678910	0123456789
4	13115191	Bùi Ngọc Đức	DH13CB	<i>Đức</i>		6	10	1,8	4,7	0012345678910	0123456789
5	13138072	Nguyễn Tư Hiếu	DH13TD	<i>Hiếu</i>		9,4	10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
6	13154111	Hoàng Ngọc Hoài	DH13OT	<i>Hoài</i>		9,6	10	9,5	9,6	0012345678910	0123456789
7	12115011	Nguyễn Văn Hoàng	DH12GN	<i>Hoàng</i>		5,5	10	8	7,7	0012345678910	0123456789
8	12115204	Trần Ngọc Huy	DH12GN	<i>Huy</i>		5,5	7,2	4	5,1	0012345678910	0123456789
9	13153125	Nguyễn Minh Khanh	DH13CD	<i>Khanh</i>		7,9	2,8	4,3	5,1	0012345678910	0123456789
10	13118194	Lê Hoàng Lễ	DH13CC	<i>Lễ</i>		9,5	10	9	9,4	0012345678910	0123456789
11	13115257	Phạm Thị Như Liễu	DH13CB	<i>Như Liễu</i>		8,7	10	2,3	5,8	0012345678910	0123456789
12	13153012	Nguyễn Hữu Lộc	DH13CD	<i>Lộc</i>		9,5	7,2	4,5	6,5	0012345678910	0123456789
13	13115296	Nguyễn Việt Ngọc	DH13CB	<i>Việt Ngọc</i>		7,6	8,8	4	6,0	0012345678910	0123456789
14	13138153	Huỳnh Hoàng Phú	DH13TD	<i>Phú</i>		5,5	8,4	6,8	6,7	0012345678910	0123456789
15	13153176	Huỳnh Nguyễn Phúc	DH13CD	<i>Phúc</i>		8,7	10	5,3	7,3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04153



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_06 - 001_DH13OT_06

Số Tín Ch 3

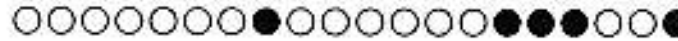
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD201

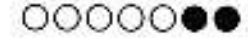
Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			8,5	10	9,8	9,5	00123456789	0123456789
17	13115489	Hà Thu Phương	DH13CB			9,7	10	4,8	7,3	00123456789	0123456789
18	13115351	Hồ Phúc Quý	DH13CB			8,2	10	6	7,5	00123456789	0123456789
19	13154165	Nguyễn Duy Quyền	DH13OT							00123456789	0123456789
20	13114492	Lê Đức Tây	DH13CB			7,8	7,2	3,5	5,5	00123456789	0123456789
21	10154041	Đỗ Tấn Thái	DH10OT			9	7,5	5,0	4,0	00123456789	0123456789
22	13115385	Nguyễn Ngọc Thanh	DH13CB							00123456789	0123456789
23	12154177	Nguyễn Thành Thuận	DH12OT			6,5	9,6	3,8	5,8	00123456789	0123456789
24	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			9	10	4,3	4,2	00123456789	0123456789
25	13334205	Và Thái Thuận	CD13CI							00123456789	0123456789
26	13115114	Nguyễn Bùi Minh Thúy	DH13CB			4,9	9,2	2	4,3	00123456789	0123456789
27	10137072	Nguyễn Thành Trung	DH10NL							00123456789	0123456789
28	13153285	Nguyễn Quang Trung	DH13CD			8	8	7,5	7,8	00123456789	0123456789
29	13154065	Nguyễn Văn Trung	DH13OT			6,3	10	4,5	6,1	00123456789	0123456789



Mã nhận dạng 04153



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_06 - 001_DH13OT_06

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp DH12GN (Thiết kế đồ gỗ nội thất)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
30	12115190	Đặng Ngọc Tụ	DH12GN			83	10	63	76	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Đ. Khánh Tiên

Nguyễn Thị Kiều Hằng

Phạm Quang Thắng



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chỉ giữ máy(207100) - DH13OT_06 - 002_DH13OT_06**

Số Tín Ch 3

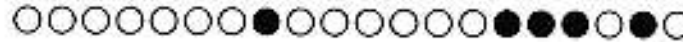
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD401

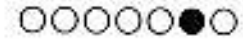
Lớp **DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 40%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13153004	Trương Nguyễn Tiến Đạt	DH13CD			3,1	2,4	6,8	4,8	0012345678910	0123456789
2	14154011	Nguyễn Phát Đạt	DH14OT			6,8	10	5	6,5	0012345678910	0123456789
3	13153093	Phùng Văn Hậu	DH13CD			3,1	2	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
4	12154005	Lê Tấn Hoàn	DH12OT			3,1	10	6	7,1	0012345678910	0123456789
5	13115232	Cáp Hữu Hùng	DH13CB			3,3	2,8	3,5	3,3	0012345678910	0123456789
6	13118169	Nguyễn Trọng Hữu	DH13CK			5,3	9,6	2	5,4	0012345678910	0123456789
7	12154087	Mã Nhật Huy	DH12OT			6	4	4,3	4,8	0012345678910	0123456789
8	11153019	Lê Hoàng Khải	DH11CD			2	0	2	1,0	0012345678910	0123456789
9	13154126	Nguyễn Vũ Khang	DH13OT			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
10	13154131	Nguyễn Đăng Khoa	DH13OT			5,7	10	4,3	6,8	0012345678910	0123456789
11	13154030	Phạm Văn Lâm	DH13OT			6,3	10	4	5,9	0012345678910	0123456789
12	12115007	Nguyễn Đại Phúc	DH12GN			8	9,5	2,8	5,7	0012345678910	0123456789
13	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC			7,3	10	5	6,7	0012345678910	0123456789
14	12115051	Hà Thư Quảng	DH12GN			6,2	9,6	4	5,8	0012345678910	0123456789
15	13115358	Đào Thị Kim Sang	DH13CB			10	10	8,8	9,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04154



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_06 - 002_DH13OT_06

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD401

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 42%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13115094	Nguyễn Trí Tài	DH13CB	Tài		8,1	10	3	17,9	001234567890	0123456789
17	10134008	Huỳnh Công Thành	DH10GB	Thành		7,8	2	2,5	4,0	001234567890	0123456789
18	13115436	Phan Thị Ngọc Trân	DH13GN	ngoc		8	10	3,5	6,2	001234567890	0123456789
19	13115127	Nguyễn Văn Trí	DH13GN	Trí		6,3	7,2	4,5	4,1	001234567890	0123456789
20	13115128	Nguyễn Hoàng Ngọc	DH13CB	ngoc		7	8,4	3	5,3	001234567890	0123456789
21	13153028	Ngô Tấn Vinh	DH13CD	Vinh		3,7	6	4,5	3,1	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1

CBCT 2

Nguyễn Hữu Hòa

Ngô Thị Hồng Diệp



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Chi tiết máy(207100) - DH13OT_07 - 001_DH13OT_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13153074	K" Đệ	DH13CD		V					001234567890	0123456789
2	13115190	Trần Công	DH13CB	Dh	1	1,1	1	0,9	3	001234567890	0123456789
3	13138003	Lương Đình	DH13TD	Lương	1	1,1	0,8	3	4,9	001234567890	0123456789
4	13115027	Huỳnh Lập	DH13CB		V					001234567890	0123456789
5	10153055	Doãn Anh	DH10CD	Doãn	1	0	0	1,8	1,8	001234567890	0123456789
6	12118019	Hồ Tấn	DH12CK	Hồ	1	1,1	1,4	2,7	5,2	001234567890	0123456789
7	13118097	Nguyễn Hoàng	DH13CK	Nguyễn	1	0	1,4	3,9	5,3	001234567890	0123456789
8	13334061	Nguyễn Thế	CD13CI	Nguyễn	1	1,5	1,3	2,6	5,4	001234567890	0123456789
9	13138074	Kiều Việt	DH13TD	Kiều	1	0	1,9	1,8	3,7	001234567890	0123456789
10	13138076	Vô Minh	DH13TD	Vô	1	0	1,6	3	4,6	001234567890	0123456789
11	13154023	Nguyễn Thanh Minh	DH13OT	Nguyễn	2	1,6	1	3	5,6	001234567890	0123456789
12	13153121	Võ Thị Kim	DH13CD	Hương	1	0	1,6	2,6	3,8	001234567890	0123456789
13	13115044	Lương Ngọc	DH13GN	Lương	1	0	1	1,2	2,2	001234567890	0123456789
14	13115230	Nguyễn Ngọc	DH13GN	Nguyễn	1	1,6	1,6	4,2	7	001234567890	0123456789
15	13138091	Lâm Tấn	DH13TD	Lâm	1	1,6	1,5	5,7	8,6	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04161



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13OT_07 - 001_DH13OT_07

Số Tín Ch 3

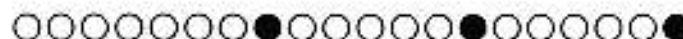
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138093	Bùi Đức Khá	DH13TD		1	1,5	2,5	6	10	001234567890	0123456789
17	13115056	Phạm Vũ Kiệt	DH13CB		1	1,3	1,5	4,2	7	001234567890	0123456789
18	13334111	Trần Văn Lộc	CD13CI		1	1,6	1,3	3	5,7	001234567890	0123456789
19	13115270	Trương Công Luận	DH13CB		1	1,3	1,1	6,5	6,9	001234567890	0123456789
20	12153179	Đình Quang Lương	DH12CD		1	0	0	3,9	3,9	001234567890	0123456789
21	13138118	Nguyễn Văn Mến	DH13TD		1	1,6	1,8	4,2	7,4	001234567890	0123456789
22	12138122	Nguyễn Thanh Mỹ	DH12TD		1	0	1,3	1,4	2,7	001234567890	0123456789
23	12118063	Lê Minh Nam	DH12CC		1	1,5	1,6	5,1	8	001234567890	0123456789
24	13153015	Châu Hoài Nam	DH13CD		1	1,4	0,6	1,8	3,8	001234567890	0123456789
25	13138128	Nguyễn Tiến Ngọc	DH13TD		1	0,6	1	2,7	6,3	001234567890	0123456789
26	13138129	Trương Văn Ngọc	DH13TD		1	1,5	1,4	6,2	7,1	001234567890	0123456789
27	13153165	Nguyễn Thành Nhân	DH13CD		1	1,6	1,5	4,2	7,1	001234567890	0123456789
28	13115098	Đoàn Thị Thu	DH13GB		12	1,5	2,3	5,6	9,4	001234567890	0123456789
29	12153138	Đoàn Văn Thành	DH12CD		1	0,6	1,3	1,5	3,4	001234567890	0123456789
30	13118054	Đoàn Văn Thoại	DH13CK		1	1,1	1,7	6	8,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04161



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_07 - 001_DH13OT_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD403

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138210	Trương Văn Thoại	DH13TD		1	1.2	1.6	5.3	7.9	001234567890	0123456789
32	13153238	Mai Thanh	DH13CD		V					001234567890	0123456789
33	13153244	Nguyễn Thanh Trí	DH13CD		1	1.1	1.5	1.8	6.6	001234567890	0123456789
34	13115449	Võ Quốc	DH13CB		1	1.5	1.3	0.9	3.7	001234567890	0123456789
35	13154194	Nguyễn Nhật	DH13OT		2	1.3	0.8	6.5	6.6	001234567890	0123456789
36	13118344	Bùi Văn	DH13CC		1	1.6	1.9	3.3	6.6	001234567890	0123456789
37	13138255	Phùng Anh	DH13TD		1	1.5	1.6	3	5.9	001234567890	0123456789
38	11138011	Huỳnh Minh	DH11CD		V					001234567890	0123456789
39	13153275	Lê Văn	DH13CD		1	1.1	1.6	5	7.5	001234567890	0123456789
40	13153280	Lương Trung	DH13CD		1	1.6	1.1	2.1	4.6	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: **Chi tiết máy(207100)** - DH130T 07 - 002 DH130T 07

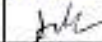
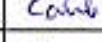
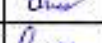
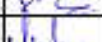
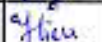
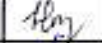
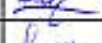
Số Tín Ch. 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD305

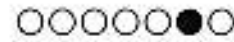
Lớp **DI12CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)**

Training

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12153140	Võ Văn Quốc Anh	DH12CD			0,8	1	5,8	7,5	001234567890	0123456789
2	13118071	Mai Công	DH13CK			1,5	1,6	6	8,9	001234567890	0123456789
3	13334016	Trần Thanh	CD13CI			1,5	1,3	4,2	7	001234567890	0123456789
4	13153045	Trần Đức	DH13CD			0,8	1,3	2,4	6,5	001234567890	0123456789
5	13334023	Lê Tuấn	CD13CI			1,2	1,3	1,5	6	001234567890	0123456789
6	13118091	Nguyễn Duy	DH13CK			1,5	1	2,1	6,6	001234567890	0123456789
7	13138001	Hoàng Văn	DH13TD			1,5	1,6	3,9	7,0	001234567890	0123456789
8	13137032	Đỗ Văn	DH13NL			1,5	1,6	3,9	7,0	001234567890	0123456789
9	13118138	Nguyễn Văn	DH13CC			1,4	1,5	3,3	6,2	001234567890	0123456789
10	13153106	Nguyễn Huy	DH13CD			1,5	1,6	6,5	7,6	001234567890	0123456789
11	13153109	Nguyễn Tấn	DH13CD			0	0,8	3,3	6,1	001234567890	0123456789
12	13153122	Mai Đức	DH13CD			1	1,3	1,7	4	001234567890	0123456789
13	13153110	Đoàn Đức	DH13CD			1,5	2,5	6	10	001234567890	0123456789
14	13153114	Nguyễn Huỳnh Quang	DH13CD			1,2	1,4	6,5	7,1	001234567890	0123456789
15	13334079	Đinh Lâm	CD13CI			1,4	1,5	2,4	5,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04162



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_07 - 002_DH13OT_07

Số Tín Ch 3

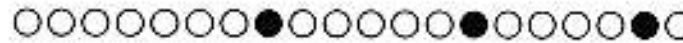
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD305

Lớp DH12CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	12118058	Nguyễn Tấn Lộc	DH12CC			1,5	1,9	5	8,4	001234567890	0123456789
17	13138260	Hoàng Đức Lương	DH13TD			0	1,1	1,8	2,9	001234567890	0123456789
18	13154036	Nguyễn Hoàng Minh	DH13OT			1,6	1,4	6,5	7,3	001234567890	0123456789
19	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK			1,1	0,9	2	4,0	001234567890	0123456789
20	13138015	Vũ Bảo Quốc	DH13TD			1,1	1,6	6	8,7	001234567890	0123456789
21	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC			1,5	2,5	6	10	001234567890	0123456789
22	13138198	Phan Tiến Thành	DH13TD			1,1	1,1	3	5,2	001234567890	0123456789
23	13153219	Tôn Thất Thiện	DH13CD			1,1	1,4	0,6	3,1	001234567890	0123456789
24	13115393	Lê Văn Thịnh	DH13CB			1,6	1,6	2,1	5,1	001234567890	0123456789
25	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			1,5	1,1	5,1	7,8	001234567890	0123456789
26	13153236	Phạm Trọng Tín	DH13CD			1,1	1,5	6,0	8,6	001234567890	0123456789
27	13138018	Nguyễn Thanh Trung	DH13TD			1,6	1,1	3,6	6,1	001234567890	0123456789
28	13153245	Nguyễn Tiến Trung	DH13CD			0,6	1,4	6,5	6,5	001234567890	0123456789
29	13154066	Nguyễn Tùng	DH13OT			1,6	0,8	1,2	3,6	001234567890	0123456789
30	13118064	Nguyễn Văn Tyl	DH13CK			1,4	1,1	1,2	3,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04162



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13OT_07 - 002_DH13OT_07

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD305

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
✓ 31	13115143	Nguyễn Thế Vy	DH13CB	✓	—	—	—	—	—	● 011234567890	01123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

HD: 30 V: 1

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Võ Thanh Thảo

Phạm Quang Thắng

Nguyễn Thị Kiều Hạnh

CBCT1

CBCT2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: **Chỉ tiết máy(207100) - DH13TD 08 - 001 DH13TD 08**

Số Tia Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

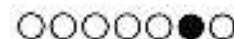
Phòng Thi **RD502**Lớp **CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	B1 30 %	B2 20 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12344002	Hồ Việt An	CD12CI			5,4	7,6	2	4,1	0012345678910	0123456789
2	13138002	Trương Quang Đại	DH13TD			4,5	10	7,3	7,0	0012345678910	0123456789
3	13138047	Ngô Việt Định	DH13TD			4,9	8,4	5	5,7	0012345678910	0123456789
4	13138050	Hồ Anh Đức	DH13TD			10	9	9	9,3	0012345678910	0123456789
5	13138054	Tổng Thị Thu Hà	DH13TD			9,9	10	9	9,5	0012345678910	0123456789
6	13138060	Phan Hồng Hải	DH13TD			7,4	10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
7	13138073	Phạm Trung Hiếu	DH13TD			8,8	10	8,8	9,0	0012345678910	0123456789
8	13138261	Nguyễn Trung Hiếu	DH13TD			4,5	8,8	9,8	8,0	0012345678910	0123456789
9	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD			3,9	2	3	3,1	0012345678910	0123456789
10	13334075	Nguyễn Huy Hoàng	CD13CI			2,4	3,6	3,5	3,2	0012345678910	0123456789
11	13138005	Đậu Việt Hùng	DH13TD			5,5	9,2	6,8	6,9	0012345678910	0123456789
12	13334092	Nguyễn Văn Hữu	CD13CI			6	10	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
13	13118186	Đào Xuân Khôi	DH13CK			3,8	10	4,5	5,4	0012345678910	0123456789
14	13138097	Trần Tiến Khôi	DH13TD			5,9	9	5	6,1	0012345678910	0123456789
15	13138099	Cao Hoàng Lâm	DH13TD			7	10	5	5,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04168



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13TD_08 - 001_DH13TD_08

Số Tín Ch 3

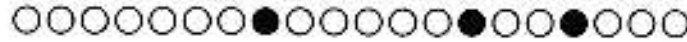
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD502

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ. %	D2 Đ. %	Đ. Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138103	Nguyễn Đình Lân	DH13TD			6,2	10	58	6,8	0012345678910	0123456789
17	13138009	Nguyễn Kim Hải	DH13TD			4,4	9	6,5	4,6	0012345678910	0123456789
18	13138117	Nguyễn Quốc Mạnh	DH13TD			9,6	10	7,5	5,9	0012345678910	0123456789
19	12118079	Vô Hồng Quốc	DH12CK			2	9	1,8	3,3	0012345678910	0123456789
20	13138172	Nguyễn Văn Sang	DH13TD			4,8	10	6,8	6,8	0012345678910	0123456789
21	13138181	Phạm Văn Tâm	DH13TD			5,5	8,4	4,3	5,5	0012345678910	0123456789
22	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			6	10	6	6,8	0012345678910	0123456789
23	13138201	Vân Thiên Thăng	DH13TD			4,6	7,2	3	4,3	0012345678910	0123456789
24	12344192	Nguyễn Văn Thới	CD12CI			4	9	2	4,0	0012345678910	0123456789
25	13138220	Trương Tấn Tinh	DH13TD			6,9	10	6,3	7,2	0012345678910	0123456789
26	13334222	Từ Hữu Trí	CD13CI			4,7	10	4,8	5,8	0012345678910	0123456789
27	13138248	Nguyễn Thanh Tú	DH13TD			7	9,6	9	8,5	0012345678910	0123456789
28	12344151	Trần Mạnh Tường	CD12CI			6,5	9,2	7,3	7,4	0012345678910	0123456789
29	13118339	Nguyễn Minh Tuyển	DH13CK			9	4,4	2	1,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04168



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chỉ thiết máy(207100) - DH13TD_08 - 001_DH13TD_08**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD502

Lớp **DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
30	13138253	Phạm Tiến Việt	DH13TD	<i>Việt</i>		6,5	9,2	3,3	5,4	0 1 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

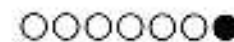
Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

*TS. Nguyễn Văn Tiến**Nguyễn Thị Kiều Hằng**Phạm Quang Thắng*



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13TD_08 - 002_DH13TD_08

Số Tin Ch 3

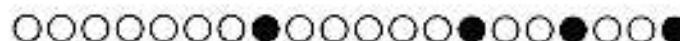
Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD103

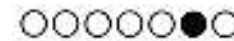
Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10 %	D2 10 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13334005	Lê Thanh Tú Anh	CD13CI			3,4	10	2	4,0	0012345678910	0123456789
2	13153036	Nguyễn Xuân ất	DH13CD	A+		5,2	10	7	7,1	0012345678910	0123456789
3	13138027	Bùi Minh Bảo	DH13TD			5,9	11,8	3	4,2	0012345678910	0123456789
4	13153044	Lê Văn Cảnh	DH13CD			5,4	10	11,8	6,0	0012345678910	0123456789
5	12153039	Lương Hoàng Chương	DH12CD			2,3	6,5	6,0	5,0	0012345678910	0123456789
6	13138033	Đương Minh Cương	DH13TD			8,2	10	11,3	6,6	0012345678910	0123456789
7	13334048	Ngô Huỳnh Đăng	CD13CI			6	10	2,3	5,0	0012345678910	0123456789
8	12344079	Huỳnh Văn Diệp	CD12CI			4	10	3,5	5,0	0012345678910	0123456789
9	13138042	Quách Đình Dũng	DH13TD			0,7	5,6	11,8	4,1	0012345678910	0123456789
10	12154062	Đỗ Văn Duy	DH12OT			1,9	9	11,3	4,5	0012345678910	0123456789
11	13115210	Vũ Thị Hiền	DH13CB			7,7	9,2	9,6	9,0	0012345678910	0123456789
12	13118137	Nguyễn Trọng Hiếu	DH13CK			5,3	10	8,5	7,8	0012345678910	0123456789
13	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT							0012345678910	0123456789
14	12138053	Vũ Quang Hùng	DH12TD			6,2	9,6	11,8	6,2	0012345678910	0123456789
15	12153177	Trần Quốc Khanh	DH12CD							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04169



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13TD_08 - 002_DH13TD_08

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD103

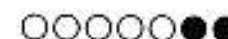
Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40%	D2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13138008	Phan Xuân Liêm	DH13TD			4,9	10	7	7	001234567890	0123456789
17	13138108	Lê Quang Linh	DH13TD			4,9	10	9	7,1	001234567890	0123456789
18	13138109	Trần Hoài Linh	DH13TD			6,7	8,4	3,8	5,6	001234567890	0123456789
19	12138118	Dương Hồng Linh	DH12TD			3,6	10	5	5,6	001234567890	0123456789
20	13138112	Đặng Thành Lợi	DH13TD			5,5	10	9	8,2	001234567890	0123456789
21	13118031	Trương Minh Nghĩa	DH13CC			5,9	10	6,8	7,2	001234567890	0123456789
22	13138136	Ninh Quang Nhật	DH13TD			7,5	10	5	6,8	001234567890	0123456789
23	13138140	Lê Thị Huỳnh Như	DH13TD			7,1	10	6,5	7,4	001234567890	0123456789
24	13334138	Đinh Văn Phi	CD13CI			2,9	10	4,5	5,1	001234567890	0123456789
25	13138156	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			3,7	7,2	3,5	4,3	001234567890	0123456789
26	13138157	Nguyễn Hồng Phúc	DH13TD			6,9	7,6	7	7,1	001234567890	0123456789
27	13138165	Mãn Hồng Quân	DH13TD			4,9	9,2	3,2	4,0	001234567890	0123456789
28	13138166	Ngô Nguyễn Minh Quân	DH13TD			5,5	10	5	6,2	001234567890	0123456789
29	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD			7,2	10	7,7	8,0	001234567890	0123456789
30	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			8,4	8	5,3	6,8	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04169



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13TD_08 - 002_DH13TD_08

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD103

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13138178	Ngô Quốc Sứ	DH13TD			8,7	10	8,8	9,0	001234567890	0123456789
32	13138189	Vân Thành Tân	DH13TD			9,8	10	6,8	8,3	001234567890	0123456789
33	13138200	Lê Ngọc Thạch	DH13TD			6,7	9,2	5	6,4	001234567890	0123456789
34	13138275	Đặng Anh Tháo	DH13CK			5,9	10	6,5	7,0	001234567890	0123456789
35	13138206	Nguyễn Hoàng Thi	DH13TD			3,9	10	9,8	8,1	001234567890	0123456789
36	13153222	Trương Phi Thoàn	DH13CD			5,2	8	6	6,2	001234567890	0123456789
37	13138211	Tổng Trần Thống	DH13TD			3,1	10	2,8	4,3	001234567890	0123456789
38	12344128	Võ Minh Thuận	CD12CI			2,7	8,2	3	4,0	001234567890	0123456789
39	13118331	Hoàng Văn Tuấn	DH13CC							001234567890	0123456789
40	13138020	Trần Thanh Tuấn	DH13TD			6,1	10	3,5	5,6	001234567890	0123456789
41	12115248	Đinh Quang Tuyển	DH12CB			1,9	8,4	4,8	4,7	001234567890	0123456789
42	13138251	Đỗ Ngọc Việt	DH13TD			2,7	10	3,8	4,7	001234567890	0123456789
43	13138021	Trần Thanh Vĩnh	DH13TD			1,4	10	4	4,4	001234567890	0123456789
44	12115130	Nguyễn Hoàng Vũ	DH12CB			2	7,2	1,3	2,7	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04169



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chỉ tiết máy(207100) - DH13TD_08 - 002_DH13TD_08

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD103

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 20 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
45	13138022	Ngô Quốc Vương	DH13TD	<i>[Signature]</i>		3,9	9,6	6,3	6,2	0012345●78910	01●3456789

Ngày in : 04/01/2016

HD: 4,2
Vắng: 03

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Đ. Văn Tuấn

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Nguyễn Thị Kiều Hạnh

Cán Bộ Chấm Thi 2

[Signature]
Phạm Quang Thắng

CBCT1
[Signature]

Lê Quang Hải

CBCT2

[Signature]
N.T. Dũng

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm **Chi tiết máy**(207100) - DH13TD 09 - 001 DH13TD 09

Số Tín Ch. 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phỏng Thi HD203

Lớp **DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 40 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13137019	Nguyễn Văn Bình	DH13NL			3,4	10	3,3	4,7	0012345678910	0123456789
2	13115172	Nguyễn Hồng Diễm	DH13CB		✓					0012345678910	0123456789
3	13153077	Trương Công Định	DH13CD		✓					0012345678910	0123456789
4	13115018	Lê Thị Duyên	DH13CB			8	10	9,3	9,1	0012345678910	0123456789
5	13138061	Trần Minh Hải	DH13TD			7,8	10	9	8,8	0012345678910	0123456789
6	13138064	Trần Văn Hạnh	DH13TD		✓					0012345678910	0123456789
7	13115204	Võ Thị Mỹ Hào	DH13CB			10	10	5	7,5	0012345678910	0123456789
8	13154123	Phạm Hùng	DH13OT			2,2	2	3,5	2,4	0012345678910	0123456789
9	13115242	Mai Thụy Giáng Hương	DH13CB			10	10	9,8	9,9	0012345678910	0123456789
10	14154099	Nguyễn Anh Huy	DH14OT		✓					0012345678910	0123456789
11	13138096	Võ Anh Khoa	DH13TD			6	6,8	2,8	4,6	0012345678910	0123456789
12	12344080	Nguyễn Thành Lợi	CD12CI			3	6,8	3,4	4,0	0012345678910	0123456789
13	13115066	Trần Xuân Ly	DH13CB			8	10	7,5	8,2	0012345678910	0123456789
14	13138010	Nguyễn Ngọc Nam	DH13TD			5	8	2,5	4,4	0012345678910	0123456789
15	13138011	Trần Nhật Nghĩa	DH13TD			4,1	10	5,5	6,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04171



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chi tiết máy(207100) - DH13TD_09 - 001_DH13TD_09**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13154039	Nguyễn Văn Ngân	DH13OT			2,5	8	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
17	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD			9,1	8,8	6,5	7,7	0012345678910	0123456789
18	13115353	Trần Thị Như	DH13CB			6,3	10	6,2	7,0	0012345678910	0123456789
19	13115383	Khưu Xuân	DH13GB			7,8	10	4	6,3	0012345678910	0123456789
20	13138192	Phạm Văn	DH13TD			3,5	4	3,5	3,6	0012345678910	0123456789
21	13334175	Doãn Thiện	CD13C1			5,1	10	3,8	5,4	0012345678910	0123456789
22	13138205	Vương Bảo	DH13TD			6	5,3	6,5	6,6	0012345678910	0123456789
23	13138208	Nguyễn Văn	DH13TD		✓					0012345678910	0123456789
24	13153223	Trần Hữu	DH13CD			1,5	0	2,1	1,5	0012345678910	0123456789
25	12153198	Phạm Ngọc	DH12CD			3	2,6	2	2,6	0012345678910	0123456789
26	13138223	Đình Quốc	DH13TD			6,8	10	8	8,0	0012345678910	0123456789
27	13138229	Mai Minh	DH13TD			6,6	10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
28	13138231	Lê Minh	DH13TD			3,5	8,8	2,3	4,0	0012345678910	0123456789
29	13118060	Phạm Quang	DH13CK			3,5	0	3,3	2,7	0012345678910	0123456789
30	13118326	Nguyễn Nhật	DH13CC			2,6	0	3,3	2,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04171



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13TD_09 - 001_DH13TD_09

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 20%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13138238	Ngô Vũ Minh Tuấn	DH13TD	Tuấn		6,5	10	7	7,5	001234567890	0123456789
32	13138240	Phạm Anh Tuấn	DH13TD	Anh		3,6	9	5,5	3,8	001234567890	0123456789
33	13138249	Nguyễn Khánh Tường	DH13TD	Khánh		4,4	10	9,3	8,0	001234567890	0123456789
34	13138256	Nguyễn Lê Nhật Vũ	DH13TD		✓					001234567890	0123456789
35	13115142	Tô Tường Vy	DH13CB	Tường Vy		7,1	10	3,3	5,8	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

SS: 35 Vắng: 06 HD: 29

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Yudy Thien

Nguyễn T. Kiều Hân

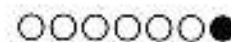
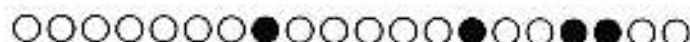
Phạm Quang Thang

CBCT 1.

CBCT 2

Phạm Minh Hiền

Lê Quang Trí



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chỉ tiết máy(207100) - DH13TD_09 - 002_DH13TD_09**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp **DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115144	Hoàng Đông A	DH13CB			4,5	10	9,3	8,0	001234567890	0123456789
2	13138030	Trần Huy Chương	DH13TD							001234567890	0123456789
3	12344036	Nguyễn Thành Đạt	CD12CI			2,8	9,3	4	4,7	001234567890	0123456789
4	13115024	Nguyễn Thanh Diệp	DH13CB			4,5	8,4	3,5	4,8	001234567890	0123456789
5	13138058	Cao Xuân Hải	DH13TD			7	10	9,3	8,8	001234567890	0123456789
6	13138068	Hoàng Minh Hiếu	DH13TD			4,5	4	4,8	4,6	001234567890	0123456789
7	13115219	Nguyễn Thanh Hoàng	DH13CB			4,1	9,6	1,6	4,0	001234567890	0123456789
8	13138085	Hoàng Thanh Hùng	DH13TD			4,3	10	5,3	5,9	001234567890	0123456789
9	13138089	Tô Văn Hưng	DH13TD			4,6	9	9,5	7,9	001234567890	0123456789
10	13138090	Hà Văn Hương	DH13TD			4,1	10	7,5	7,0	001234567890	0123456789
11	13118153	Cao Thanh Huy	DH13CK							001234567890	0123456789
12	13115231	Nguyễn Thị Huyền	DH13GN			3,6	10	4,3	5,2	001234567890	0123456789
13	13137081	Vũ Đình Nguyễn Khương	DH13NL			7	10	3,5	5,9	001234567890	0123456789
14	13115252	Võ Thị Thủy Kiều	DH13GB			10	10	10	10	001234567890	0123456789
15	13137085	Nguyễn Thanh Long	DH13NL			7,5	9,4	3,5	5,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04172



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13TD_09 - 002_DH13TD_09

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH13CK (Công nghệ kỹ thuật cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30%	D2 20%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13118209	Đỗ Văn Minh	DH13CK	<i>Đỗ Văn Minh</i>		4,3	7,2	3,1	4,3	0012345678910	0123456789
17	13115293	Nguyễn Thanh Kim	DH13CB	<i>Ngọc</i>		4,1	10	4,3	5,4	0012345678910	0123456789
18	13138130	Nguyễn Thuở Lâm	DH13TD							0012345678910	0123456789
19	12115006	Lê Hồ ái	DH12GN	<i>Lê Hồ ái</i>		1,8	10	4	4,5	0012345678910	0123456789
20	13138141	Nguyễn Huỳnh	DH13TD	<i>Nguyễn Huỳnh</i>		3,7	10	6	6,1	0012345678910	0123456789
21	13138148	Phạm Khánh	DH13TD	<i>Phạm Khánh</i>		5,8	10	1,8	4,6	0012345678910	0123456789
22	13138152	Hoàng Xuân	DH13TD	<i>Hoàng Xuân</i>		3	8,8	5	5,2	0012345678910	0123456789
23	13115337	Trương Nữ Hoài	DH13CB	<i>Trương Nữ Hoài</i>		6,5	10	6,8	7,4	0012345678910	0123456789
24	13118042	Phạm Hoàng	DH13CC							0012345678910	0123456789
25	13138171	Lê Tuấn	DH13TD	<i>Lê Tuấn</i>		7,9	7	6,3	6,9	0012345678910	0123456789
26	13138174	Trần Thị	DH13TD	<i>Trần Thị</i>		7,9	10	5,5	7,1	0012345678910	0123456789
27	13137120	Trần Văn	DH13NI							0012345678910	0123456789
28	13138175	Bùi Thái	DH13TD	<i>Bùi Thái</i>		8,9	9,6	3,8	6,5	0012345678910	0123456789
29	13115367	Nguyễn Anh	DH13CB	<i>Nguyễn Anh</i>		7,5	10	4,1	6,3	0012345678910	0123456789
30	11344036	Đỗ Văn	CD11CI	<i>Đỗ Văn</i>		5	8,8	3	4,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04172



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13TD_09 - 002_DH13TD_09

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi RD204

Lớp DH13TD (Kỹ thuật điều khiển & tự động hóa)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 Đ1 %	D2 Đ2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm IR
31	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			4,3	10	3,1	4,8	0012345678910	0123456789
32	13138199	Trịnh Việt	DH13TD			5,9	9,6	4,3	5,8	0012345678910	0123456789
33	13137130	Lương Tấn	DH13NL			7,8	10	4	6,3	0012345678910	0123456789
34	13137138	Phạm Ngọc	DH13NL			3,6	10	3,5	4,8	0012345678910	0123456789
35	13115492	Nguyễn Thị	DH13CB			4,1	10	5,3	5,9	0012345678910	0123456789
36	13115118	Lê Duy	DH13CB			8,1	10	3,3	6,1	0012345678910	0123456789
37	13334216	Phạm Văn	CD13CI			4,1	10	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
38	13115434	Trương Thị Hiền	DH13GB			10	10	10	10	0012345678910	0123456789
39	13137152	Trần Anh	DH13NL			4,8	8	3	4,5	0012345678910	0123456789
40	13115472	Trần Thị Yến	DH13CB			8	10	4,5	6,7	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

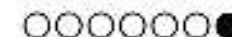
Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hạnh



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Chỉ tiết máy(207100) - DH13CC_10 - 001_DH13CC_10**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD205

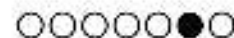
Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 10%	Đ2 20%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118070	Lê Hồng Anh	DH13CC			7,4	9,6	4,5	6,4	0012345678910	0123456789
2	13118074	Võ Đăng Phạm Anh	DH13CC			6	8,8	5,5	6,3	0012345678910	0123456789
3	13118081	Trần Thế Bình	DH13CC			2	2	3,3	1,7	0012345678910	0123456789
4	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN			8,5	2	2	3,6	0012345678910	0123456789
5	13118092	Phạm Hùng Cường	DH13CC			6	10	6,5	7,1	0012345678910	0123456789
6	12115088	Lê Thị Thúy Hằng	DH12CB			8,5	10	5,5	7,3	0012345678910	0123456789
7	13137062	Hồ Thanh Hoàng	DH13NL			7,6	10	3	5,8	0012345678910	0123456789
8	13118180	Nguyễn Hồng Khánh	DH13CC			7,5	10	2,5	5,5	0012345678910	0123456789
9	13118023	Đoàn Nguyễn Anh Kim	DH13CC			3,2	9,6	3,3	4,5	0012345678910	0123456789
10	12115250	Nguyễn Thành Luân	DH12GN			8,1	10	3,5	6,2	0012345678910	0123456789
11	13334117	Nguyễn Công Lực	CD13CI			7,2	7,6	3,3	5,3	0012345678910	0123456789
12	13153156	Phạm Ngọc Nam	DH13CD			9,1	10	6,5	8,0	0012345678910	0123456789
13	12115108	Nguyễn Thành Nhơn	DH12CB			7,7	8,4	5,5	6,7	0012345678910	0123456789
14	13115315	Phạm Thị Huỳnh Nhar	DH13CB			7,3	8,8	2	5,0	0012345678910	0123456789
15	13115324	Trần Bảo Phong	DH13CB			8,3	7,2	2	4,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04253



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Chi tiết máy(207100) - DH13CC_10 - 001_DH13CC_10

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD205

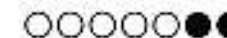
Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 40 %	D2 20 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	13153191	Lê Trọng Quốc	DH13CD	<i>Lê Trọng Quốc</i>		7,5	8,2	3	5,4	0012345678910	0123456789
17	13115090	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CB	<i>Nguyễn Như Quỳnh</i>		9,1	10	3,5	6,5	0012345678910	0123456789
18	13118266	Huỳnh Thanh Tâm	DH13CC	<i>Huỳnh Thanh Tâm</i>		10	10	9	9,5	0012345678910	0123456789
19	13138190	Trần Văn Tấn	DH13TD	<i>Trần Văn Tấn</i>	✓					0012345678910	0123456789
20	12154178	Phan Quốc Thái	DH12OT	<i>Phan Quốc Thái</i>	✓					0012345678910	0123456789
21	13153216	Lê Bửu Thi	DH13CD	<i>Lê Bửu Thi</i>		6	8	7	6,9	0012345678910	0123456789
22	13115413	Trần Anh Thư	DH13CB	<i>Trần Anh Thư</i>		8,5	9	2	2,6	0012345678910	0123456789
23	13118290	Phạm Quốc Thuyền	DH13CK	<i>Phạm Quốc Thuyền</i>		8	9,2	5	6,7	0012345678910	0123456789
24	13334209	Phạm Thành Tiên	CD13CI	<i>Phạm Thành Tiên</i>		9,1	5,6	2	4,9	0012345678910	0123456789
25	13138219	Hồ Tiệp	DH13TD	<i>Hồ Tiệp</i>		7,7	9,4	7,5	7,9	0012345678910	0123456789
26	13118301	Lê Đức Tin	DH13CC	<i>Lê Đức Tin</i>		7	10	3	5,6	0012345678910	0123456789
27	13118365	Trần Văn Tịnh	DH13CC	<i>Trần Văn Tịnh</i>	2	9,6	10	4	6,9	0012345678910	0123456789
28	13115442	Vô Công Trình	DH13CB	<i>Vô Công Trình</i>		7,5	7,2	3	5,2	0012345678910	0123456789
29	13118323	Bùi Văn Truyền	DH13CC	<i>Bùi Văn Truyền</i>		7,7	10	7,4	8,0	0012345678910	0123456789
30	13118324	Phạm Ngọc	DH13CC	<i>Phạm Ngọc</i>		7,2	9	2	3,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 04253



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm **Chi tiết máy(207100) - DH13CC_10 - 001_DH13CC_10**

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 19/01/2016

Phòng Thi HD205

Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 30 %	D2 40 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13118338	Phạm Minh Tuấn	DH13CC			7,1	5,6	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
32	13118062	Nguyễn Minh Tùng	DH13CK	✓	✓					0012345678910	0123456789
33	13118353	Hoàng Đức Vũ	DH13CC			8,4	8	3,8	6,0	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày 22 Tháng 1 Năm 2016

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Nguyễn Thị Kiều Thanh

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phạm Quang Thắng

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> 25%	<u>Đ2</u> 25%	<u>Điểm</u> thi	<u>Điểm</u> T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	13118002	Đông Ngọc Ân	DH13CK			1,8	1,3	2,3	5,4	○●①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	13118008	Nguyễn Hoài Anh Duy	DH13CK			1,4	1,5	2,8	5,7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	13118015	Võ Đình Hải	DH13CK			1,8	2,0	4	7,8	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
4	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK			1,3	1,5	2,5	5,3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦⑧●
5	13118020	Nhữ Sỹ Hùng	DH13CK			2,1	1,8	3,8	7,7	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
6	13118024	Ngô Minh Lan	DH13CK			2	1,8	3,5	7,3	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
7	13118025	Nguyễn Hoàng Liêm	DH13CK			1,8	1	2,3	5,1	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	13118026	Nguyễn Hoàng Linh	DH13CC			2,1	1,5	2,8	6,4	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
9	13118052	Cao Ngọc Thận	DH13CC			2,1	1,3	4,0	8,0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
10	13118053	Trần Thế Thiện	DH13CC			2,2	2	4,5	8,7	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
11	13118058	Lê Quang Trọng	DH13CK			2	1,6	3	6,6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
12	13118112	Nguyễn Tiến Đạt	DH13CK			1,3	1,3	2	5,2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	13118135	Trần Tuấn Hiền	DH13CK			2,2	1,8	4	8	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
14	13118147	Nguyễn Thái Hòa	DH13CK			2,0	1,6	3,5	7,1	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK			1,8	1,1	2,3	5,2	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	13118159	Lưu Quốc Huy	DH13CK			2,1	1	2,5	5,6	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
17	13118174	Trương Chí Khang	DH13CK			2,2	1,1	3	6,3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
18	13118208	Bùi Lương Bảo Minh	DH13CK			1,8	1,1	1,5	4,4	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 01

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 Đ1 %	Đ2 Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK			✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	13118255	Hồ Hoàng Sơn	DH13CK			✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	13118276	Đàm Minh Thái	DH13CK			1,6	1	2,5	4,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
22	13118282	Trần Nam Thắng	DH13CK			✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			1,9	1,3	2	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
24	13118291	Phạm Hữu Thương	DH13CK			1,9	1,3	2,8	6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	13118310	Bùi Thanh Triển	DH13CK			1,5	1	2,5	5,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	13118321	Trần Minh Trung	DH13CK			1,9	1,3	2	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
27	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			1,9	1,3	2	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
28	13118342	Nguyễn Xuân Tùng	DH13CC			2,1	2	6	8,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13118344	Bùi Văn Tú	DH13CC			2,1	1	2	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9
30	13118367	Huỳnh Đông Khoa	DH13CK			✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số lượng vắng: 4

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

TS. Nguyễn Tiến

Phạm Quang Thắng

Nguyễn Thị Kiều Thanh

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

Charge

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thị Kiều Hằng

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số từ	Đ1 25 %	Đ2 25 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
1	12118002	Bùi Văn Hải	DH12CC			2,1	1,8	3,8	7,7	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○ ● ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○
2	12118015	Nguyễn Hữu Chiến	DH12CC			1,6	1,3	2,5	5,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
3	12118019	Hồ Tấn Duy	DH12CK			—	—	—	—	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
4	12118021	Bùi Xuân Lâm	DH12CC			1,6	1,4	3	6	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
5	12118042	Nguyễn Dương Hoàng Huy	DH12CC			1,6	1,1	2,8	5,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
6	12118055	Nguyễn Trung Tuấn	DH12CK			1,9	1,3	2,0	5,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
7	12118058	Nguyễn Tấn Lộc	DH12CC			1,9	1,9	4	7,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
8	12118062	Vô Thanh Mạnh	DH12CC			2	1,9	3,3	7,2	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
9	12118063	Lê Minh Nam	DH12CC			2	1,5	2,8	6,3	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
10	12118064	Nguyễn Thái Ngọc	DH12CK			—	—	—	—	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
11	12118068	Vô Văn Nhân	DH12CC			2,1	2	4,3	8,4	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
12	12118077	Trần Thanh Vũ	DH12CC			2,3	1,9	3,8	8,0	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
13	12118084	Trần Quang Hưng	DH12CC			1,9	1,5	2,5	5,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
14	12118095	Dương Công Trạch	DH12CK			1,7	1,3	2,5	5,5	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○
15	12118099	Tạ Quang Tuấn	DH12CC			1,9	1	2	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
16	12118101	Nguyễn Thanh Tùng	DH12CC			1,9	1	2	4,9	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
17	12118106	Phạm Vĩnh Vũ	DH12CC			—	—	—	—	● ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○
18	12118109	Vũ Như Khải	DH12CC			1,8	1	2	4,8	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ● ○ ○ ○ ○ ○ ○	○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○ ○

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC LẦN 2

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 03

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tổ điểm lẻ
19	12118111	Lê Minh Hải	DH12CC			1,8	1	2	4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	12118114	Tô Ngọc Quang	DH12CC			2	1	3	6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	12118119	Nguyễn Trung Tài	DH12CK			1,7	1	2	4,7	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	13118038	Trần Cảnh Phú	DH13CC			1,8	1	2	4,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
23	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK			1,7	1,3	2,8	5,8	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
24	13118140	Đặng Ngọc Hiếu	DH13CK			✓	✓	✓	✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
25	13118197	Nguyễn Chí Linh	DH13CK			2	1,6	3	6,6	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	13118200	Đặng Hoàng Long	DH13CK			1,7	1,3	2,5	5,5	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	13118241	Ngô Duy Quang	DH13CK			✓	✓	✓	✓	●○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	13118312	Bạch Huy Trí	DH13CK			1,8	1,6	2,8	6,0	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
29	13118320	Nguyễn Quốc Trung	DH13CK			1,8	1	2,3	5,1	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
30	13118347	Mai Hoài Tụ	DH13CC			1,8	1,3	2,8	5,9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng: 5

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

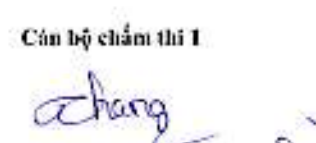
Cán bộ coi thi 2

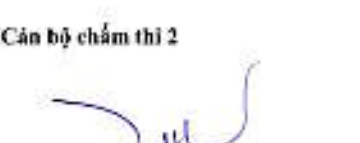
Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


TS. Võ Văn Tiến


Phạm Quang Thắng


Nguyễn Thị Kiều Trang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	07119023	Nguyễn Công Thành	DH08CK17			1,1	1,0	2,0	4,1	○○○1234●56789○	○●23456789
2	12118092	Nguyễn Chí Thanh	DH12CK			1,9	1,2	2,5	5,6	○○1234●6789○	○12345●789
3	12118108	Lê Quang Tường	DH12CK			1	0	0	1	○○●123456789○	●123456789
4	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC			0,9	0	0	0,9	○●123456789○	○12345678●
5	13118010	Lê Tiến Đạt	DH13CK			1,9	1	3	5,9	○○1234●6789○	○12345678●
6	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			2	1,8	3,5	7,3	○○123456●89○	○12●456789
7	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			1,9	1,2	2,3	5,4	○○1234●6789○	○123●56789
8	13118063	Lê Văn Tuyền	DH13CC			1,9	1	2,5	5,4	○○1234●6789○	○123●56789
9	13118100	Trịnh Nguyễn Minh Duy	DH13CC			1,6	0	0	1,6	○○●123456789○	○123●56789
10	13118108	Lâm Hữu Nguyễn Đan	DH13CK			1,7	1	2	4,7	○○123●56789○	○123456●89
11	13118114	Trần Minh Đạt	DH13CC			1,4	0	0	1,4	○○●123456789○	○123●56789
12	13118120	Trần Cư Được	DH13CC			1,3	0	0	1,3	○○●123456789○	○12●456789
13	13118152	Bùi Văn Hoi	DH13CC			2,2	1	2,2	5,4	○○1234●6789○	○123●56789
14	13118161	Hoàng Phạm Thanh Huỳnh	DH13CK			1,3	0	0	1,3	○○●123456789○	○12●456789
15	13118176	Lê Đình Khả	DH13CK			1,6	0	0	1,6	○○●123456789○	○12345●789
16	13118189	Nguyễn Hữu Kiệt	DH13CK			1,9	1,5	2,8	6,2	○○12345●789○	○1●3456789
17	13118190	Trần Văn La	DH13CC			2,1	2	4	8,1	○○1234567●9○	○●23456789
18	13118191	Nguyễn Tùng Lâm	DH13CK			2,1	2	4	8,1	○○1234567●9○	○●23456789

Chang

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn học - Nhóm: Đồ án chi tiết máy (207101) - 04

CBGD: Phạm Quang Thắng (1029)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 25%	Đ2 25%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	13118199	Đào Huy Long	DH13CK			1,2	0	0	1,2	○ ○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
20	13118205	Nguyễn Bá May	DH13CK			1,3	0	0	1,3	○ ○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
21	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC			2,1	1,5	2,5	6,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
22	13118232	Bùi Tấn Phương	DH13CK			2,0	1,8	4	7,8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
23	13118236	Động Đình Phổ	DH13CC			2,1	2	3,5	7,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
24	13118238	Hà Thanh Phương	DH13CC			2	1,7	3,3	7,0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
25	13118260	Lê Nguyễn Thành Tài	DH13CC			2,2	2,1	4,3	8,6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
26	13118269	Vô Minh Tây	DH13CK			0	0	0	0	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
27	13118317	Lê Quốc Trung	DH13CK			1,3	0	0	1,3	○ ○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
28	13118332	Lê Quốc Tuấn	DH13CK			1	0	0	1	○ ○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
29	13118360	Đào Thị Hải Yến	DH13CC			1,3	2	4,2	8,1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
30	13118364	Trương Công Hoài Trung	DH13CK			1,3	1,8	3,2	6,3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●

Số lượng vắng: 12

Hiện diện: 18

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

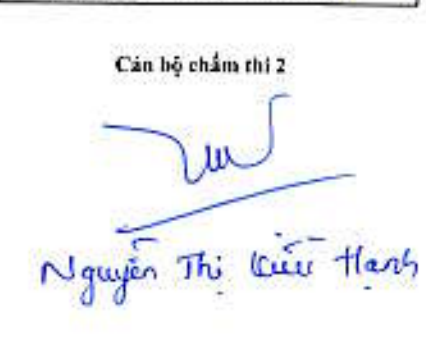
Xác nhận của khoa/bộ môn

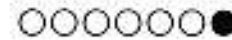
Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2









Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD302

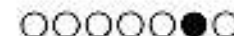
Lớp DH10TD (Điều khiển tự động)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm IR
1	10138055	Nguyễn Lê Bằng	DH10TD							001234567890	0123456789
2	13118005	Đỗ Thành Chung	DH13CC	<i>Ch</i>		1,0	4,75	4,25	7,0	001234567890	0123456789
3	14154077	Nguyễn Quốc Cường	DH14OT	<i>Coc</i>		1,0	2,5	3,0	5,5	001234567890	0123456789
4	12115227	Nguyễn Việt Đạt	DH12GN							001234567890	0123456789
5	14154015	Huỳnh Thiện Đức	DH14OT							001234567890	0123456789
6	12344028	Nguyễn Lê Nhật Duy	CD12CI							001234567890	0123456789
7	13118095	Lưu Trần Tấn Duy	DH13CK	<i>Duy</i>		1,0	0,5	2,5	4,0	001234567890	0123456789
8	12115088	Lê Thị Thúy Hằng	DH12CB	<i>Thuy</i>		1,0	2,5	1,3	4,8	001234567890	0123456789
9	14154091	Nguyễn Văn Hạnh	DH14OT	<i>Han</i>		1,0	2,5	0,0	3,5	001234567890	0123456789
10	13118017	Trần Văn Hiệu	DH13CK	<i>Hue</i>		1,0	2,8	4,0	7,8	001234567890	0123456789
11	13138079	Nguyễn Trần Minh Hoàng	DH13TD	<i>Hoang</i>		0,0	0,8	0,0	0,8	001234567890	0123456789
12	13118020	Nhữ Sỹ Hùng	DH13CK	<i>Hung</i>		1,0	3,0	1,5	5,5	001234567890	0123456789
13	14154105	Phạm Ngọc Hưng	DH14OT	<i>Phu</i>		1,0	2,25	2,25	5,5	001234567890	0123456789
14	14154022	Nguyễn Khánh Huy	DH14OT	<i>Huy</i>		1,0	2,25	0,75	4,0	001234567890	0123456789
15	13115247	Nguyễn Mạnh Kha	DH13GN							001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04069



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD302

Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12344084	Nguyễn Như Luân	CD12CI							001234567890	0123456789
17	13334124	Đặng Thanh Nam	CD13CI	<i>Thanh Nam</i>		1,0	2,0	1,8	4,8	001234567890	0123456789
18	12138131	Lê Quang Ngọc	DH12TD	<i>Ngọc</i>		0,0	2,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
19	14154125	Nguyễn Minh Ngọc	DH14OT	<i>Ngọc</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
20	14118231	Lê Đình Đăng Quang	DH14CK							001234567890	0123456789
21	13118044	Nguyễn Như Quỳnh	DH13CK	<i>Quỳnh</i>		0,0	2,8	3,0	5,8	001234567890	0123456789
22	14137057	Trần Phước Sang	DH14NL	<i>Sang</i>		1,0	0,8	0,0	1,8	001234567890	0123456789
23	13137128	Phan Lê Ngọc Thảo	DH13NL	<i>Thảo</i>		1,0	1,8	0,5	3,3	001234567890	0123456789
24	13115114	Nguyễn Bùi Minh Thủy	DH13CB	<i>Thủy</i>		1,0	2,75	1,75	5,5	001234567890	0123456789
25	13115406	Lê Thân Như Thủy	DH13GN							001234567890	0123456789
26	13138238	Ngô Vũ Minh Tuấn	DH13TD	<i>Tuấn</i>		1,0	2,3	1,0	4,3	001234567890	0123456789
27	13153255	Lê Ngọc Triệu Tuấn	DH13CD	<i>Tuấn</i>		1,0	0,5	1,3	2,8	001234567890	0123456789
28	13153260	Nguyễn Huy Tuệ	DH13CD							001234567890	0123456789
29	14153060	Nguyễn Công Tường	DH14CD	<i>Tường</i>		1,0	3,0	0,0	4,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04069



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 001_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD302

Lớp DH13OT (Công nghệ kĩ thuật ô tô)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
30	13154070	Nguyễn Võ Hoàng Vũ	DH13OT			0,0	0,8	0,0	0,8	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Lê Văn Ban

Cán Bộ Chấm Thi 1

TS. Nguyễn Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm **Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 002_DH13CB_01**

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD303

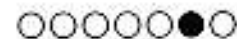
Lớp **DH13CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13118075	Vũ Văn Anh	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	1,0	3,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	14154068	Hồ Việt Anh	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,0	0,25	0,25	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	14154005	Nông Chí Bảo	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,5	0,8	0,0	1,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT	<i>[Signature]</i>		0,5	2,0	0,8	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	13118123	Trịnh Đình Thanh Đức	DH13CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,25	3,25	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	10153055	Đoàn Anh Duy	DH10CD							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	14137032	Đặng Hoàng Hào	DH14NL	<i>[Signature]</i>		1,0	0,3	1,0	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118160	Võ Đức Hiệp	DH14CC	<i>[Signature]</i>		1,0	2,25	0,25	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	13118138	Nguyễn Văn Hiếu	DH13CC	<i>[Signature]</i>		1,0	3,0	3,3	7,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	11344020	Trần Văn Hò	CD11CI	<i>[Signature]</i>		1,0	0,0	1,8	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	10344083	Trần Văn Học	CD10CI17	<i>[Signature]</i>		1,0	0,0	0,5	1,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	14118168	Nguyễn Thái Học	DH14CK	<i>[Signature]</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	13118168	Phạm Văn Hùng	DH13CC							○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT	<i>[Signature]</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	13118156	Đỗ Minh Huy	DH13CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,5	3,3	5,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04070



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 002_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD303

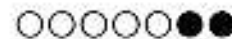
Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	14118029	Đào Văn Huy	DH14CC			1,0	0,5	1,5	3,0	001234567890	0123456789
17	14154100	Nguyễn Đức Huy	DH14OT			1,0	2,5	3,5	5,5	001234567890	0123456789
18	14154110	Lê Mai Khoa	DH14OT			1,0	2,3	1,5	4,8	001234567890	0123456789
19	14154033	Trần Phạm Lộc	DH14OT			1,0	2,5	0,5	4,0	001234567890	0123456789
20	13137090	Chau Văn Nêk	DH13NL			1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
21	12115108	Nguyễn Thành Nhơn	DH12CB			1,0	2,75	0,25	4,0	001234567890	0123456789
22	12344102	Dương Quốc Pháp	CD12CI			1,0	2,5	0,5	4,0	001234567890	0123456789
23	13118231	Nguyễn Văn Phi	DH13CK							001234567890	0123456789
24	12115153	Đặng Hoài Phương	DH12CB			1,0	2,5	0,5	4,0	001234567890	0123456789
25	14154043	Nguyễn Thanh Quân	DH14OT			1,0	2,5	3,0	6,5	001234567890	0123456789
26	13115367	Nguyễn Anh Tài	DH13CB			1,0	2,5	3,5	7,0	001234567890	0123456789
27	13118267	Trương Minh Tâm	DH13CC			1,0	2,5	4,5	8,0	001234567890	0123456789
28	12153133	Nguyễn Thanh Tấn	DH12CD			1,0	2,75	2,25	6,0	001234567890	0123456789
29	11344036	Đỗ Văn Thắng	CD11CI			1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890	0123456789
30	13115111	Nguyễn Đức Thịnh	DH13GN			0,5	2,0	1,3	4,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04070



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_01 - 002_DH13CB_01

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD303

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13153223	Trần Hùng Thọ	DH13CD			0,0	2,0	0,3	2,3	0010234567890	0123456789
32	12344192	Nguyễn Văn Thời	CD12CI			1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
33	13118286	Phan Minh Thông	DH13CK			1,0	1,5	2,5	5,0	001234567890	0123456789
34	13154059	Nguyễn Minh Thông	DH13OT			1,0	1,5	3,0	5,5	001234567890	0123456789
35	12115058	Võ Hồng Trương	DH12CB			1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
36	12344148	Trần Minh Tú	CD12CI							001234567890	0123456789
37	13138248	Nguyễn Thanh Tú	DH13TD			1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
38	13115466	Võ Nhật Tường	DH13GN			1,0	2,75	0,25	4,0	001234567890	0123456789
39	12153165	Nguyễn Thanh VT	DH12CD							001234567890	0123456789

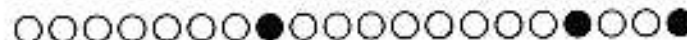
Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13115154	Phan Thị Thủy	ái	DH13CB		1,0	1,5	1,8	4,3	001234567890	0123456789
2	14153005	Võ Đức	Bảy	DH14CD		1,0	2,0	2,0	5,0	001234567890	0123456789
3	14118008	Nguyễn Đăng	Châu	DH14CK		1,0	0,75	0,75	2,5	001234567890	0123456789
4	14154073	Lê Kim	Chiến	DH14OT		0,5	0,3	0,0	0,8	001234567890	0123456789
5	12138001	Nguyễn Trường	Chinh	DH12TD		0,0	1,0	0,5	1,5	001234567890	0123456789
6	13118114	Trần Minh	Đạt	DH13CC		1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890	0123456789
7	13118008	Nguyễn Hoài Anh	Duy	DH13CK		0,0	1,5	3,3	4,8	001234567890	0123456789
8	13115198	Đinh Bá	Hà	DH13CB		1,0	1,75	1,25	4,0	001234567890	0123456789
9	13154019	Lê Thị Minh	Hiền	DH13OT		1,0	0,75	4,25	8,0	001234567890	0123456789
10	14118158	Vũ Văn	Hiếu	DH14CK		1,0	1,0	2,0	4,0	001234567890	0123456789
11	14154024	Nguyễn Phi	Hùng	DH14OT		1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
12	13115046	Vũ Văn	Huy	DH13CB						001234567890	0123456789
13	13115253	Đinh Tuấn	Kiệt	DH13GN		1,0	2,25	2,25	6,0	001234567890	0123456789
14	13154029	Huỳnh Vũ	Kiệt	DH13OT		1,0	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
15	14154116	Trịnh Đình	Linh	DH14OT		1,0	0,5	0,0	1,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04105



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/ Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

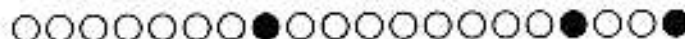
Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13115071	Dương Công Minh	DH13CB	<i>Minh</i>		0,5	0,8	0,0	1,3	0001234567890	0123456789
17	13115291	Trương Thành Nghị	DH13CB	<i>Nghị</i>		1,0	3,0	2,5	6,5	001234567890	0123456789
18	14118207	Nguyễn Lê Nguyên	DH14CK	<i>Nguyên</i>		0,5	0,8	0,0	1,3	0001234567890	0123456789
19	13334135	Nguyễn Minh Nhật	CD13CI	<i>Nguyễn</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
20	11154041	Vũ Đình Ninh	DH11OT	<i>Ninh</i>		1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890	0123456789
21	12344100	Phạm Quỳnh Ninh	CD12CI							001234567890	0123456789
22	14154041	Vũ Văn Phát	DH14OT	<i>Phát</i>	(Chấm thử)					001234567890	0123456789
23	13154043	Nguyễn Hữu Phong	DH13OT	<i>Phong</i>		1,0	2,0	3,3	6,3	001234567890	0123456789
24	13118039	Huỳnh Hồng Phúc	DH13CK	<i>Phúc</i>		1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890	0123456789
25	13153196	Thần Văn Quyết	DH13CD	<i>Quyết</i>		1,0	2,25	2,25	6,0	001234567890	0123456789
26	13154049	Nguyễn Văn Sang	DH13OT	<i>Sang</i>		1,0	0,5	0,0	1,5	0001234567890	0123456789
27	14118239	Văn Công Sĩ	DH14CK	<i>Sĩ</i>		1,0	1,0	0,0	2,0	001234567890	0123456789
28	13334161	Đặng Chiêu Sinh	CD13CI	<i>Sinh</i>		1,0	2,0	4,0	7,0	001234567890	0123456789
29	13334170	Tổng Minh Tài	CD13CI	<i>Tài</i>		0,0	3,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
30	13118049	Lương Ngọc Tân	DH13CK	<i>Tân</i>		1,0	1,25	0,25	2,5	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04105



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV225

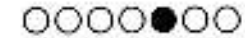
Lớp DH13NL (Công nghệ kỹ thuật nhiệt)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13137124	Vũ Đức Tân	DH13NL			0,0	1,25	1,25	3,0	001234567890	0123456789
32	14137068	Nguyễn Việt Tân	DH14NL			1,0	2,5	1,0	4,5	001234567890	0123456789
33	13137121	Vì Văn Tấu	DH13NL			1,0	2,8	3,5	7,3	001234567890	0123456789
34	10154041	Đỗ Tấn Thái	DH10OT			(cấm thi)				001234567890	0123456789
35	13138195	Hà Đình Thành	DH13TD			1,0	1,0	2,0	4,0	001234567890	0123456789
36	14137074	Nguyễn Mậu Thiết	DH14NL			1,0	1,5	2,3	4,8	001234567890	0123456789
37	13334204	Nguyễn Hồng Thuận	CD13CI			0,5	2,5	1,0	4,0	001234567890	0123456789
38	13334205	Vũ Thái Thuận	CD13CI							001234567890	0123456789
39	13334215	Phạm Minh Toàn	CD13CI			1,0	2,0	1,5	4,5	001234567890	0123456789
40	13115442	Võ Công Trình	DH13CB			0,5	1,5	2,0	4,0	001234567890	0123456789
41	13115467	Phạm Vũ Bích Uyên	DH13GB			1,0	1,5	2,0	4,5	001234567890	0123456789
42	13154069	Nguyễn Tuấn Vũ	DH13OT			1,0	0,75	2,75	4,5	001234567890	0123456789
43	14118322	Nguyễn Duy Xuân	DH14CK			1,0	1,0	1,3	3,3	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04105



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 001_DH13CB_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV225

Lớp CD13CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
44	13334252	Nguyễn Tấn Như	CD13CI			1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SL: 41/44

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Nguyễn Tiến

CBCT 1

CBCT 2

Lê Khắc Quý

Cao Đức Lợi

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 002_DH13CB_02

Số Tín Ch 3

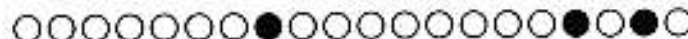
Nghy Thi 21/01/2016

Phong Thai RD201

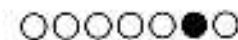
Lớp **DH130T (Công nghệ Kỹ thuật ô tô)**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	13154076	Huỳnh Đức	Bình	DH13OT			1,0	2,25	2,25	5,5	001234567890
2	13154006	Hoàng Minh	Chương	DH13OT			0,0	9,25	1,75	4,0	001234567890
3	14154010	Nguyễn Văn	Đân	DH14OT			1,0	1,25	0,25	2,5	001234567890
4	13118010	Lê Tiến	Đạt	DH13CK			1,0	2,5	3,0	6,5	001234567890
5	14118162	Bùi Xuân	Hoàng	DH14CK			1,0	1,0	2,3	4,3	001234567890
6	13153108	Bàn Thế	Hồng	DH13CD			1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890
7	14118030	Nguyễn Đức	Huy	DH14CK			1,0	0,0	0,3	1,3	001234567890
8	12154119	Nguyễn Đăng	Khoa	DH12OT			1,0	2,25	2,25	5,5	001234567890
9	13118021	Lương Phan Bá	Khỏe	DH13CK			1,0	1,25	2,25	5,5	001234567890
10	13118022	Trần Anh	Kiệt	DH13CC			1,0	1,0	2,8	4,8	001234567890
11	13115060	Trần Khánh	Linh	DH13CB			1,0	1,75	1,25	4,0	001234567890
12	14154030	Đỗ Đức	Linh	DH14OT			1,0	1,5	0,0	2,5	001234567890
13	13334114	Nguyễn Thành	Luân	CD13CI						001234567890	001234567890
14	13118204	Trương Thanh	Lục	DH13CK			0,5	2,5	1,8	4,8	001234567890
15	13138116	Vũ Tấn	Lý	DH13TD			1,0	1,25	1,25	4,0	001234567890



Mã nhận dạng 04106



Trang 2/2

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13CB_02 - 002_DH13CB_02

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi RD201

Lớp CD12CI (Công nghệ kỹ thuật Cơ khí)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	12344186	Huỳnh Duy Phát	CD12CI	<i>Phát</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
17	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD	<i>Phong</i>		1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
18	13115338	Lê Hồng Phước	DH13GN	<i>Phước</i>		1,0	1,25	0,25	3,0	001234567890	0123456789
19	13118249	Tạ Văn Quyên	DH13CK	<i>Quyên</i>		0,5	2,25	3,25	6,0	001234567890	0123456789
20	14118061	Lê Tiến Tài	DH14CC	<i>Tài</i>		1,0	0,0	0,0	1,0	001234567890	0123456789
21	12344126	Võ Thuận	CD12CI	<i>Thuận</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
22	13138217	Nguyễn Đức Tiến	DH13TD							001234567890	0123456789
23	14118279	Nguyễn Duy Toàn	DH14CK							001234567890	0123456789
24	13115431	Phạm Nguyễn Uyên Trang	DH13GN	<i>Trang</i>		1,0	2,5	2,0	5,5	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

H.O. : 20

Vòng : 04

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1.

CBCT 2.

*Phạm Quang Thắng**Li Quang Thi*

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 001_DH13GB_03

Số Tin Ch 3

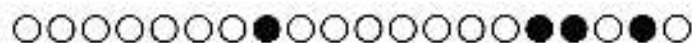
Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH14CK (Cơ khí nông lâm)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 50%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm B
1	14118001	Bùi Văn An	DH14CK	An		1,0	1,3	1,0	3,3	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13118002	Đặng Ngọc Ân	DH13CK	Ân		0,5	2,25	5,25	8,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	13153001	Nguyễn Văn Bá	DH13CD	Bá		1,0	2,25	3,25	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14153067	Nguyễn Khắc Bằng	DH14CD	Bằng		1,0	2,5	1,0	4,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14118116	Trương Chiên	DH14CK	Chiên		1,0	2,0	1,5	4,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	14118133	Ngô Văn Đại	DH14CC		✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	12115236	Huỳnh Văn Đạt	DH12GN	Đạt		1,0	1,25	1,75	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	14118138	Nguyễn Văn Thành Đạt	DH14CK		✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14154013	Trương Nhật Điền	DH14OT	Điền		1,0	1,25	0,25	2,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118018	Trần Phương Đông	DH14CK	Đông		1,0	1,0	3,5	5,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	13118012	Trần Vũ Tài Đức	DH13CC		✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	13153059	Nguyễn Quốc Dũng	DH13CD	Đức		1,0	1,75	0,75	3,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT	Hiếu		0,0	0,5	0,0	0,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	11153017	Nguyễn Văn Hùng	DH11CD		✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14115051	Phan Thị Thu Hương	DH14GB	Hương		1,0	2,0	2,5	5,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04122



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 001_DH13GB_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD203

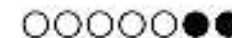
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	14153096	Huỳnh Duy Khánh	DH14CD	<i>AK</i>		1,0	2,3	1,5	4,8	001234567890	0123456789
17	12154120	Bùi Ngọc Khoa	DH12OT	<i>UK</i>		1,0	1,0	2,0	4,0	001234567890	0123456789
18	13154037	Nguyễn Văn Nam	DH13OT	<i>Nam</i>		1,0	2,0	2,0	5,0	001234567890	0123456789
19	13118220	Nguyễn Ngọc Nguyên	DH13CC	<i>Ng</i>		1,0	2,5	4,5	8,0	001234567890	0123456789
20	12153114	Nguyễn Hoài Nhân	DH12CD	<i>HN</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
21	13334155	Nguyễn Tấn Quốc	CD13CI	<i>Qu</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
22	13153206	Nguyễn Hà Tân	DH13CD	<i>HT</i>		0,5	1,0	1,0	2,5	001234567890	0123456789
23	12344175	Phạm Ngọc Tấn	CD12CI	<i>Ph</i>		1,0	3,0	3,0	7,0	001234567890	0123456789
24	13118278	Huỳnh Ngọc Thạch	DH13CC	<i>HT</i>		1,0	3,0	3,5	7,5	001234567890	0123456789
25	13138201	Vân Thiên Thương	DH13TD	<i>VT</i>		0,0	0,0	0,0	0,0	001234567890	0123456789
26	12115028	Lê Nhật Thanh	DH12GB	<i>LT</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
27	13153023	Tăng Thành Thảo	DH13CD	<i>TT</i>		1,0	2,3	3,0	6,3	001234567890	0123456789
28	12344128	Vô Minh Thuận	CD12CI	<i>VM</i>		1,0	1,5	1,5	4,0	001234567890	0123456789
29	13153024	Lê Văn Thuận	DH13CD	<i>LV</i>		1,0	2,5	2,8	6,3	001234567890	0123456789
30	14154060	Tăng Quốc Tiến	DH14OT	<i>TQ</i>		1,0	2,25	2,25	6,0	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04122



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 001_DH13GB_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD203

Lớp DH13CB (Công nghệ chế biến lâm sản)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	13115444	Trần Trung Trí	DH13CB			1,0	1,3	1,0	3,3	001234567890	0123456789
32	13154063	Trần Minh Trí	DH13OT		✓					001234567890	0123456789
33	13118059	Trần Văn Trọng	DH13CK			0,5	2,0	3,5	6,0	001234567890	0123456789
34	14118284	Nguyễn Đức Trọng	DH14CK		✓					001234567890	0123456789
35	13118337	Nguyễn Thanh Tuấn	DH13CK			1,0	2,3	1,5	4,8	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 29/35

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

Phạm Minh Thi

CBCT 2:

Nguyễn Ngọc Thảo

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 002_DH13GB_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD205

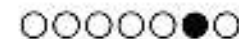
Lớp DH14CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 30%	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14153003	Nguyễn Chí Bảo	DH14CD	<i>Ch</i>		1,0	2,25	0,25	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	13115160	Trần Thanh Cẩm	DH13GN	<i>TC</i>		1,0	1,5	0,0	2,5	○ ○ ○ 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	12153053	Đương Ngọc Đa	DH12CD	<i>Đ</i>		1,0	2,25	0,25	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	14118142	Nguyễn Văn Định	DH14CC	✓	✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	14137018	Trương Hoàng Dú	DH14NL	<i>Đ</i>		1,0	1,3	3,5	5,8	○ ○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
6	13118009	Nguyễn Văn Dư	DH13CC	<i>Đ</i>	20	1,0	2,0	3,5	6,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	13154091	Nguyễn Đình Dương	DH13OT	<i>Đ</i>		1,0	2,5	2,5	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	13153054	Lâm Thái Duy	DH13CD	<i>Đ</i>		0,0	0,3	0,0	0,3	○ ● ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
9	13115200	Nguyễn Thị Hà	DH13CB	<i>H</i>		1,0	2,25	2,75	6,0	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118155	Huỳnh Cao Trung Hậu	DH14CK	✓	✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	14118167	Nguyễn Văn Hóa	DH14CC	<i>Đ</i>		1,0	2,3	1,0	4,3	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
12	12115011	Nguyễn Văn Hoàng	DH12GN	<i>Đ</i>		1,0	2,0	1,0	4,0	○ ○ ○ 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	14118170	Bùi Quang Huy	DH14CK	<i>Đ</i>		1,0	0,25	0,25	1,5	○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	14154034	Đỗ Trọng Lôi	DH14OT	✓	✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT	✓	✓					○ ○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ ○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04123



Trang 2/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 002_DH13GB_03

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD205

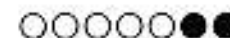
Lớp DH13CD (Công nghệ kĩ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			1,0	2,0	0,0	3,0	001234567890	0123456789
17	12153006	Trương Hoài Nam	DH12CD			1,0	1,25	1,25	4,5	001234567890	0123456789
18	13154149	Võ Tấn Nga	DH13OT		2	1,0	2,5	5,0	8,5	001234567890	0123456789
19	13138154	Huỳnh Văn Phúc	DH13TD			1,0	1,8	1,5	4,3	001234567890	0123456789
20	13118040	Nguyễn Văn Phụng	DH13CK			1,0	2,3	1,0	4,3	001234567890	0123456789
21	13153181	Nguyễn Hoàng Phương	DH13CD			0,5	1,25	1,25	3,5	001234567890	0123456789
22	13138168	Bùi Công Quyền	DH13TD			1,0	2,0	2,5	5,5	001234567890	0123456789
23	13138185	Lê Duy Tân	DH13TD			1,0	1,5	3,3	5,8	001234567890	0123456789
24	13138189	Vân Thành Tân	DH13TD			0,5	2,3	2,0	4,8	001234567890	0123456789
25	14154051	Nguyễn Trọng Thành	DH14OT			1,0	2,0	1,0	4,0	001234567890	0123456789
26	14154057	Ôn Hoa Thu	DH14OT			1,0	0,0	0,0	1,0	001234567890	0123456789
27	12115032	Phan Ngọc Thủy	DH12GB			1,0	1,8	1,5	4,3	001234567890	0123456789
28	13334214	Trần Quốc Tin	CD13CI			1,0	2,25	0,25	4,0	001234567890	0123456789
29	12115307	Huỳnh Văn Tính	DH12GB			1,0	2,5	0,5	4,0	001234567890	0123456789
30	12154043	Dương Nhật Trường	DH12OT		✓					001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04123



Trang 3/3

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH13GB_03 - 002_DH13GB_03

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi HD205

Lớp DH13CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	13153272	Đình Quốc Vũ	DH13CD	<i>[Signature]</i>		1,0	2,5	2,5	6,0	001234567890	0123456789
32	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK	<i>[Signature]</i>		1,0	1,25	0,75	3,0	001234567890	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Xác nhận của Bộ Môn

[Signature]
Ls Vũ Văn

Cán Bộ Chấm Thi 1

[Signature]
Đ.S. Vũ Văn Tiến

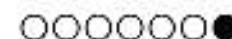
Cán Bộ Chấm Thi 2

CBCT 1:

[Signature]
Nguyễn Thanh Dũng

CBCT 2:

[Signature]
Ls Vũ Văn Tuấn



Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 001_DH15CD_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi CT102

Lớp DH14CC (Cơ khí chế biến bảo quản NSTP)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 15 %	D2 25 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	14118002	Lê Văn Thế	Anh	DH14CC		1,1	0,8	1,3	3,2	001234567890	0123456789
2	14153001	Nguyễn Tuấn	Anh	DH14CD		V	-	-	-	001234567890	0123456789
3	14154006	Phạm Văn	Bào	DH14OT		1,5	1,1	2,3	4,9	001234567890	0123456789
4	15153003	Đào Lưu	Bình	DH15CD		1,5	1,3	1,8	4,6	001234567890	0123456789
5	14118118	Phạm Đức	Công	DH14CC		1,5	0,6	1,3	3,2	001234567890	0123456789
6	15153005	Mai Tuấn	Cường	DH15CD		1,5	1,6	4	6,9	001234567890	0123456789
7	15153006	Phạm Hữu	Đang	DH15CD		1,5	0,3	1	2,8	001234567890	0123456789
8	14118139	Phạm Thành	Đạt	DH14CC		1,3	0,9	0,8	2,8	001234567890	0123456789
9	15153008	Lê Bá Tiến	Đạt	DH15CD		1,5	0,5	0,6	2,6	001234567890	0123456789
10	15153010	Nguyễn Tấn	Đình	DH15CD		1,5	1	0,3	2,8	001234567890	0123456789
11	15153011	Ngô Phú	Đô	DH15CD		1,5	1,1	1,8	4,6	001234567890	0123456789
12	15153012	Huỳnh	Đức	DH15CD		1,5	1,6	2	6,9	001234567890	0123456789
13	14118011	Nguyễn Anh	Duy	DH14CC		V	-	-	-	001234567890	0123456789
14	15153019	Nguyễn Nhật	Hào	DH15CD		1,5	1,5	2,5	5,5	001234567890	0123456789
15	15153020	Trịnh Hoàng	Hào	DH15CD		0	2,1	2,8	4,9	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04066



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 001_DH15CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi CT102

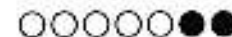
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15 %	D2 25 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
16	15153024	Nguyễn Hữu Trung	Hiếu	DH15CD	✓	—	—	—	—	●001234567890	00123456789
17	15153025	Nguyễn Minh	Hiếu	DH15CD	<i>Trần</i>	1,5	1,5	0	3,0	○0012●4567890	●0123456789
18	15153027	Nguyễn Đức	Huy	DH15CD	<i>Đức</i>	1,5	1,6	1,3	4,4	○00123●567890	00123●56789
19	15153031	Phạm Nguyễn Thành	Lộc	DH15CD	<i>Thành</i>	0	1,1	0,3	1,6	○0●1234567890	00123●56789
20	15153032	Huỳnh Tấn	Lợi	DH15CD	<i>Lợi</i>	1,5	0,9	0,3	2,7	○001●34567890	00123456●89
21	15153035	Võ Văn	Long	DH15CD	<i>Võ</i>	0,8	0,4	0	1,2	○0●1234567890	001●3456789
22	15153039	Hồ Thị Thủy	Nga	DH15CD	<i>Thủy</i>	1,5	0,9	1,8	4,2	○00123●567890	001●3456789
23	15153040	Hồ Văn	Nghĩa	DH15CD	<i>Hồ</i>	1,5	0,9	6,0	8,4	○001234567●90	00123●56789
24	15153043	Nguyễn Văn Sơn	Nguyễn	DH15CD	<i>Sơn</i>	0,5	1,5	2,1	4,1	○00123●567890	0●123456789
25	14153037	Lê Trung	Nhân	DH14CD	<i>Lê</i>	1,5	1,1	4,5	7,1	○00123456●890	0●123456789
26	15153045	Đoàn Minh	Nhật	DH15CD	✓	—	—	—	—	●001234567890	00123456789
27	13137101	Nguyễn Đình	Nhu	DH13NL	<i>Đình</i>	1,5	1,1	1,0	3,6	○0012●4567890	0012345●789
28	15153046	Phạm Huỳnh	Pháp	DH15CD	<i>Phạm</i>	1,5	0,9	0	2,4	○001●34567890	00123●56789
29	14118053	Ngô Tấn	Phúc	DH14CK	<i>Ngô</i>	0	1,1	0	1,1	○0●1234567890	0●123456789
30	15153048	Đinh Hoàng	Phượng	DH15CD	<i>Đinh</i>	1,5	1,1	1,3	3,9	○0012●4567890	0012345678●



Mã nhận dạng 04066



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 001_DH15CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi CT102

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15 %	D2 25 %	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
31	15153049	Thần Trọng Quan	DH15CD		✓	—	—	—	—	●001234567890	00123456789
32	15153051	Nguyễn Anh Quân	DH15CD	Nguyễn Anh Quân		1,5	0,3	0,3	2,1	○001●34567890	0●23456789
33	15153052	Nguyễn Trung Minh	DH15CD	Zu		1,5	1	0,8	3,3	○0012●4567890	0012●456789
34	15153056	Trần Tấn Tài	DH15CD	Tài		0,9	1,3	2,3	6,5	○00123●567890	001234●6789
35	14153118	Phan Thương Hoài L.	DH14CD	Tài		1,2	1,5	5,1	7,8	○00123456●890	001234567●9
36	15153059	Lương Văn Tấn	DH15CD	Tấn		0	0,6	0	0,6	○●1234567890	00123●56789
37	15153060	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CD	Thao		1,5	0,6	0,3	2,2	○001●34567890	001●3456789
38	15153061	Nguyễn Công Thành	DH15CD		✓	—	—	—	—	●001234567890	00123456789
39	15153064	Nguyễn Hiếu Thuận	DH15CD	Thuận		1,5	1,3	1,5	6,1	○00123●567890	0●23456789
40	15153065	Lê Văn Thường	DH15CD	Thường		1,5	1,1	3,5	6,1	○0012345●7890	0●23456789
41	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD		✓	—	—	—	—	●001234567890	00123456789
42	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	Toàn		1,5	0,3	0,3	2,1	○001●34567890	0●23456789
43	15153069	Lê Minh Tài	DH15CD	Minh Tài		1,5	1	0,6	3,1	○0012●4567890	0●23456789
44	14153054	Đinh Ngọc Trân	DH14CD	Trân		1,5	0,6	2,8	6,9	○00123●567890	0012345678●
45	13137152	Trần Anh Tri	DH13NL	Anh Tri		1,5	1,3	1,3	6,1	○00123●567890	0●23456789



Mã nhận dạng 04066



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học\Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 001_DH15CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi CT102

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
46	15153071	Hồ Thái	Trung	DH15CD	Trung	1,5	1,1	0,3	2,9	0012345678910	0123456789
47	14118296	Nguyễn Duy	Tuấn	DH14CC	Duy	3,1	0,9	2	4,0	0012345678910	0123456789
48	14118319	Lê Anh	Tuấn	DH14CC	Tuấn	0,8	0,8	1,6	3,2	0012345678910	0123456789
49	14137089	Đinh Như	Tuấn	DH14NL	Như	0	0,5	3,8	4,3	0012345678910	0123456789
50	15153077	Trịnh Quốc	Vương	DH15CD	Quốc	1,5	1,3	1,8	5,2	0012345678910	0123456789

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

SS: 43/50

Xác nhận của Bộ Môn

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Võ Văn Tiến

Phạm Quang Thắng

Trần Quang Tuấn

CBCT 1

CBCT 2

Phạm Mạnh Hùng

Cao Đức Lợi

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 002_DH15CD_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV325

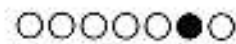
Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 %	D2 %	D.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
1	15153001	Nguyễn Tài Anh	DH15CD	✓	-	-	-	-	-	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15153002	Dương Ngọc Bảo	DH15CD	<i>Dương</i>	1	1,5	0,6	0,3	2,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15153004	Nguyễn Phan Hải Vư	DH15CD	<i>Bu</i>	1	1,5	0,6	0	1,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	13118108	Lâm Hữu Nguyễn	DH13CK	<i>Nguyễn</i>	1	0	1,5	1,8	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15153007	Lê Công Danh	DH15CD	<i>Danh</i>	1	1,2	0,8	0,3	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	15153009	Nguyễn Tiến Đạt	DH15CD	<i>Đạt</i>	1	1,5	0,5	0,3	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD	<i>Trường</i>	1	1,5	0,8	5,3	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	15153014	Nguyễn Phương Duyệt	DH15CD	<i>Phương</i>	1	1,1	0,9	1,0	3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	15153015	Lê Cảnh Trường	DH15CD	<i>Cảnh</i>	1	1,5	0,6	1,0	2,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	14118149	Hà Văn Giao	DH14CC	<i>Hà</i>	1	1,5	0,5	0,3	2,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	15153016	Sân Thanh Hải	DH15CD	<i>Thanh</i>	1	1,5	0,6	2,3	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD	<i>Trịnh</i>	1	1,5	0,5	0,0	2,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15153018	Dương Thanh Hân	DH15CD	<i>Thanh</i>	1	1,5	1,6	6,0	9,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15153021	Đặng Trung Hậu	DH15CD	<i>Đặng</i>	1	1,5	1,6	1,8	4,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	15153022	Nguyễn Hoàng Hiệp	DH15CD	<i>Hoàng</i>	1	0,8	1,5	1,2	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 04138



Trang 2/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm: Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 002_DH15CD_04

Số Tin Ch 3

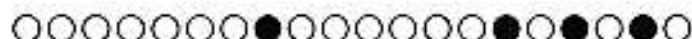
Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15 %	D2 25 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
16	15153023	Lê Trung	Hiếu	DH15CD	Hiếu	1	1,5	0,9	0,3	2,7	0010345678900123456789
17	15153026	Nguyễn Trung	Hiếu	DH15CD	Trung	1	1,1	1,5	2,8	5,4	0012345678900123456789
18	13115232	Cáp Hữu	Hùng	DH13CB	Hùng	1	0	1,1	1,3	2,4	0010345678900123456789
19	15153028	Lê Huỳnh	Khang	DH15CD	HL	1	1,5	1,1	1,8	4,4	0012345678900123456789
20	15153029	Phạm Duy	Khánh	DH15CD	Khánh	1	1,5	0,5	0,5	2,5	0010345678900123456789
21	15153030	Hoàng Văn	Kỳ	DH15CD	Kỳ	1	1,5	0,3	1,3	3,1	0012345678900123456789
22	15153033	Phạm Văn	Long	DH15CD	Phạm	1	1,5	1,5	2,5	5,5	0012345678900123456789
23	15153034	Trần Minh	Long	DH15CD	Sông	1	1,5	0,6	1,3	6,4	0012345678900123456789
24	15153036	Nguyễn Xuân	Luận	DH15CD	Luận	1	0	0,3	0	0,3	0012345678900123456789
25	15153037	Lê Đức	Mạnh	DH15CD	HL	1	1,5	2,5	6	10	0012345678900123456789
26	14153030	Trần Lộc	Minh	DH14CD	HL	1	0	0,6	0,8	1,2	0012345678900123456789
27	15153038	Phạm Quốc	Nam	DH15CD	Phạm	1	1,5	1,6	0	2,9	0010345678900123456789
28	15153041	Bùi Hồng	Ngọc	DH15CD	HL	1	1,5	1,5	3,0	6,0	0012345678900123456789
29	15153042	Lê Minh	Ngọc	DH15CD	✓						0012345678900123456789
30	15153044	Nguyễn Văn	Nhân	DH15CD	HL	1	0	0,9	0	0,9	0012345678900123456789



Mã nhận dạng 04138



Trang 3/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học/Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 002_DH15CD_04

Số Tín Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số từ	D1 15 %	D2 25 %	Đ.Số	Điểm T. kết	Tổ điểm nguyên	Tổ điểm lẻ
31	15153047	Mai Tấn Phát	DH15CD	<i>Phát</i>	1	1,5	1,4	1,8	4,7	001234567890	0123456789
32	13115339	Nguyễn Hữu Phước	DH13GN	<i>Phước</i>	1	1,5	0,8	2,1	4,4	001234567890	0123456789
33	15153054	Nguyễn Sỹ	DH15CD	<i>Sỹ</i>	1	1,5	0,8	0,5	2,8	001234567890	0123456789
34	15153055	Nguyễn Thái Tài	DH15CD	<i>Tài</i>	1	1,5	0,9	2,6	5,0	001234567890	0123456789
35	15153057	Đỗ Thành Tâm	DH15CD	<i>Tâm</i>	1	1,5	1,5	1,1	4,1	001234567890	0123456789
36	15153058	Nguyễn Thành Tâm	DH15CD	<i>Tâm</i>	1	1,5	1,5	1,1	4,1	001234567890	0123456789
37	13137130	Lương Tấn Thạnh	DH13NL	<i>Thạnh</i>	1	1,2	1,0	2,3	4,5	001234567890	0123456789
38	15153062	Lâm Minh Thi	DH15CD	<i>Thi</i>	1	1,5	1,0	3,8	6,3	001234567890	0123456789
39	13137138	Phạm Ngọc Thiện	DH13NL	<i>Thiện</i>	1	1,5	1,3	2,3	5,1	001234567890	0123456789
40	15153063	Trần Duy	DH15CD	<i>Duy</i>	2	1,5	2	6	9,5	001234567890	0123456789
41	14153133	Nguyễn Văn Thuận	DH14CD	<i>Thuận</i>	1	1,2	0,8	2,8	4,8	001234567890	0123456789
42	14118074	Phạm Đình Tiến	DH14CC	<i>Tiến</i>	1	1,1	0,8	1,8	3,7	001234567890	0123456789
43	15153066	Phạm Văn Tiến	DH15CD	<i>Tiến</i>	1	1,1	1,1	0,3	2,5	001234567890	0123456789
44	14118076	Nguyễn Văn Toàn	DH14CC	<i>Toàn</i>	1	1,1	0,8	1,8	3,7	001234567890	0123456789
45	14118080	Cao Văn Trình	DH14CC	<i>Trình</i>	1	1,2	0,5	1,5	3,2	001234567890	0123456789



Mã nhận dạng 04138



Trang 4/4

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2015 - 2016

Môn Học: Nhóm Cơ học lý thuyết(207103) - DH15CD_04 - 002_DH15CD_04

Số Tin Ch 3

Ngày Thi 21/01/2016

Phòng Thi PV325

Lớp DH15CD (Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử)

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 15%	D2 25%	D.Số	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
46	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD	<i>Đạt Trọng</i>	1	0	0,3	0,3	1,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
47	15153072	Vũ Văn Truyền	DH15CD	<i>Truyền</i>	1	1,5	1	0,8	3,3	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
48	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	DH14CC	<i>Hoàng Anh</i>	1	1,2	0,4	0,8	2,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
49	15153073	Nguyễn Anh Tuấn	DH15CD	<i>Anh Tuấn</i>	1	0,5	0,3	4,0	5,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
50	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD	<i>Viện</i>	1	1,5	0,3	2,5	4,9	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
51	15153075	Nguyễn Hoàng Vũ	DH15CD	<i>Hoàng Vũ</i>	1	0	0,6	0,8	1,4	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●
52	15153076	Nguyễn Thanh Vũ	DH15CD	<i>Thanh Vũ</i>	1	1,5	1,3	1,8	5,2	○●●●●●●●●●●●●●●●●	●●●●●●●●●●●●●●●●

Ngày in : 04/01/2016

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

HD: 49 Y: 8

Xác nhận của Bộ Môn

TS. Nguyễn Văn Tiến

Cán Bộ Chấm Thi 1

Phạm Quang Trọng

Cán Bộ Chấm Thi 2

Trương Văn Tuấn

CBCT 1

Nguyễn Thanh Dũng

CBCT 2

Ng. Vũ Ngọc Thanh